

Số: 54 /TB-CN

Đồng Nai, ngày 20 tháng 4 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (Dowaco).
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, CMT 8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3843 316 Fax: (0251) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người công bố thông tin: **Nguyễn Cao Hà**
- Chức danh: TV.HĐQT, Phó Giám đốc Công ty.
- Loại thông tin công bố:
 - Định kỳ
 - 24h
 - Theo yêu cầu
 - Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (đính kèm Báo cáo).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/4/2023 tại đường dẫn <https://dowaco.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.

E/HIEN/CÔNG TY/CBTT/BCQT2023

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Cao Hà



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022



MỤC LỤC



CHƯƠNG 1 THÔNG TIN CHUNG

- 4 Thông tin khái quát
- 5 Quá trình hình thành và phát triển
- 6 Các giải thưởng
- 7 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 8 Sơ đồ tổ chức
- 11 Định hướng phát triển
- 12 Các rủi ro



CHƯƠNG 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 16 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 18 Tổ chức nhân sự
- 21 Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- 23 Tình hình tài chính
- 26 Cơ cấu cổ đông
- 28 Báo cáo phát triển bền vững



CHƯƠNG 3 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 30 Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh
- 31 Tình hình tài chính
- 32 Những cải tiến trong năm 2022
- 33 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 33 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



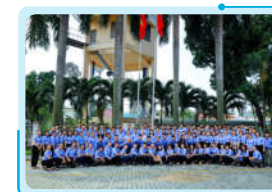
CHƯƠNG 4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 35 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động công ty
- 35 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- 36 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



CHƯƠNG 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 38 Hội đồng quản trị
- 43 Ban kiểm soát
- 45 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



CHƯƠNG 6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022

- 48 Ý kiến kiểm toán
- 48 Báo cáo tài chính

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khai quát	04
Quá trình hình thành và phát triển	05
Các giải thưởng tiêu biểu	06
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	07
Sơ đồ tổ chức	08
Định hướng phát triển	11
Các rủi ro	12



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Tên tiếng anh	DONG NAI WATER JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 07/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 26/9/2022
Vốn điều lệ	1.200.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Số 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại	(0251) 3843 316
Số fax	(0251) 3847 149
Website	dowaco.vn
Mã cổ phiếu	DNW



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1928-1967

1928-1967

Nhà máy nước Biên Hòa do người Pháp thiết kế và xây dựng với công suất là 1.450m³/ngày.

1967

Cơ quan viện trợ của chính phủ Úc tài trợ xây dựng thêm 1 cụm xử lý mới với công suất 15.000m³/ngày. Tổng công suất là 16.500m³/ngày.

1977-1987

1977

UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 25/ QĐ ngày 14/03/1977 về việc thành lập Công ty Khoan cấp nước trực thuộc Công ty Xây dựng Đồng Nai. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển đây được xem là cột mốc quan trọng ghi dấu sự tạo lập, hợp nhất và phát triển của Công ty sau ngày thống nhất. Với ý nghĩa đó, Công ty quyết định lấy ngày 14/03 hằng năm là ngày kỉ niệm thành lập Công ty. Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai đã cải tạo nâng cấp thêm trạm bơm giếng ngầm, cấp nước cho hơn 1.500 hộ dân với công suất 2.740m³/ngày.

1987

Thành lập Xí nghiệp Khai thác nước Xuân Lộc tách khỏi Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai. Xí nghiệp xây dựng thêm 2 trạm bơm nước, công suất 3.300m³/ngày.

1990-1996

1990

Là giai đoạn khó khăn nhất đối với Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai do ảnh hưởng của cơ chế bao cấp. Trong điều kiện xã hội đang chuyển biến, nhưng Công ty chuyển đổi không kịp. Nội bộ Công ty hoạt động mất ổn định, tình hình cấp nước không đảm bảo yêu cầu của xã hội. UBND tỉnh Đồng Nai quyết định giải thể Công ty Khoan cấp nước và thành lập mới Công ty Cấp nước Đồng Nai vào tháng 4/1990.

1993

Công ty Cấp nước Đồng Nai mở rộng nhà máy nước Biên Hòa từ 22.000m³/ngày lên 36.000m³/ngày để tăng nguồn nước cung cấp cho các khu dân cư của thành phố Biên Hòa.

1996

Công ty vinh dự được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III

2005-2014

2005

Tổng công suất khai thác đạt 135.348m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 57.736 hộ. Công ty đón nhận Huân chương lao động hạng II.

2014

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Tổng công suất khai thác năm 2014 đạt 293.615m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 150.356 hộ.

2015-2019

2015

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, tổng công suất khai thác đạt 304.950 m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 167.465 đầu nối.

2016

Ngày 09/03/2016, Cổ phiếu công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên Upcom với mã chứng khoán DNW và ngày 16/03/2016, DNW lần đầu giao dịch trên UpCOM với giá đóng cửa cuối phiên là 17.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng công suất khai thác năm 2016 đạt 308.101m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 202.269 đầu nối.

2019

Ngày 12/04/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Ngày 01/06/2019, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thành lập hai phòng ban trực thuộc Công ty gồm: Phòng Kinh doanh và Phòng Kỹ thuật

2020-2022

2020

Tháng 8/2020 Công ty đã cho ra mắt sản phẩm nước uống tinh khiết đóng chai, đóng bình Doriv nhằm tiếp tục xây dựng và nâng cao hình ảnh thương hiệu của Công ty.

2021

Tháng 4/2021, Công ty hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 1.200 tỷ đồng.

- Ngày 11/5/2021 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 7.

- Tổng công suất khai thác năm 2021 đạt 374.000m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 252.008 đầu nối.

2022

Ngày 26/9/2022 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 8.

DANH HIỆU TIÊU BIỂU



Huân chương lao động hạng II cho CB-CNV Công ty TNHH một thành viên xây dựng cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001-2005 góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc.



Huân chương lao động hạng III cho CB-CNV Công ty Xây dựng cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1992-1996 góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

DOWACO
ĐẠT TOP 10 DOANH NGHIỆP UPCOM
CÓ CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH TỐT NHẤT
NĂM 2019 -2020

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:
 - Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
 - Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác.
 - Thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước.
 - Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư. Giám sát thi công công trình dân dụng - công nghiệp. Lập hồ sơ mời thầu. Đánh giá hồ sơ dự thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật. Quyết toán các dự án đầu tư.
 - Tư vấn quản lý dự án đầu tư. Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán-tổng dự toán.
 - Thẩm định kết quả đấu thầu.
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15 mm đến 100 mm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hiện nay, các nhà máy sản xuất nước mặt đang khai thác và cung cấp nước cho các khu vực như sau:

- Khu vực thành phố Biên Hòa (29 phường và 1 xã Long Hưng).
- Khu vực Long Thành: Thị trấn Long Thành (Văn Hải, Phước Hải, Phước Thuận, Phước Long, Cầu Xéo, Kim Sơn), xã Long Đức, An Phước, Lộc An, Long An, Tam An, Bình Sơn.
- Khu vực huyện Xuân Lộc: Thị trấn Gia Ray, xã Xuân Tân, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân Hiệp, Suối Cát, Xuân Trường.
- Khu vực huyện Định Quán: Thị trấn Định Quán, xã Phú Vinh, Phú Lợi, Gia Canh, Phú Ngọc, Ngọc Định.
- Khu vực Tân Phú: Thị trấn Tân Phú, 1 phần xã Trà Cổ.
- Khu vực huyện Vĩnh Cửu: Thị trấn Vĩnh An, xã Vĩnh Tân, xã Thạnh Phú, xã Thiện Tân, xã Tân An.
- Khu vực huyện Trảng Bom: Thị trấn Trảng Bom, xã Hồ Nai 3, Xã Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến, Giang Điền.
- Khu vực huyện Nhơn Trạch: Khu trung tâm huyện Nhơn Trạch, các KCN Nhơn Trạch, khu dân cư xã Hiệp Phước, Long Thọ, Phước An, Phước Thiện, Phú Hội (qua đồng hồ tổng của Công ty mẹ và Công ty Cấp nước Hồ Cầu Mới).
- Khu vực TP.Long Khánh: TP. Long Khánh (gồm 11 phường: Bảo Vinh, Bàu Sen, Phú Bình, Suối Tre, Xuân An, Xuân Bình, Xuân Hòa, Xuân Lập, Xuân Tân, Xuân Thanh, 02 xã: Bảo Quang, Bàu Trâm); KCN Long Khánh, KCN Suối Tre

Nước sạch cho cuộc sống xanh!

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

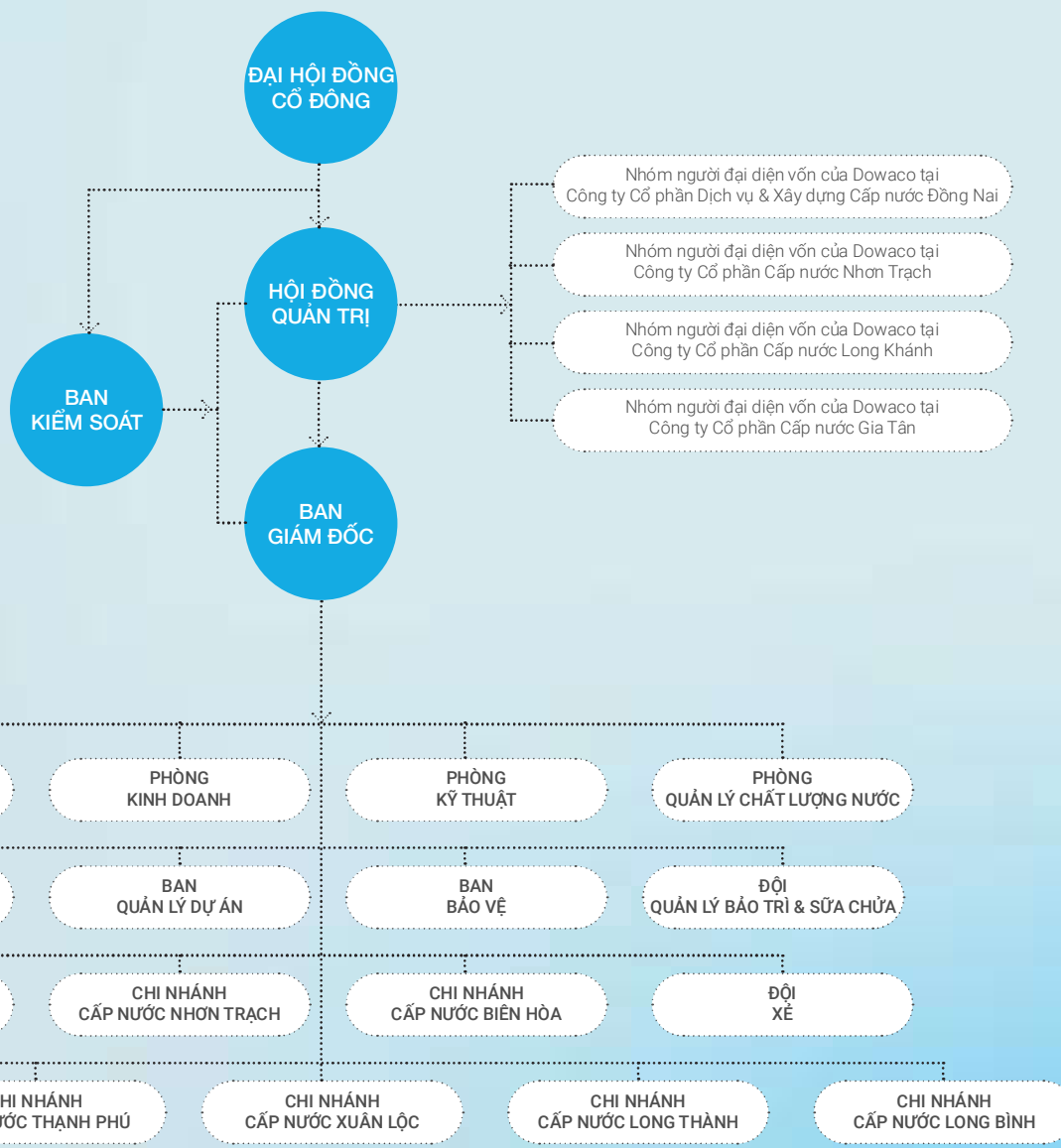
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

• Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.

• Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

• Ban kiểm soát: là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, có nhiệm vụ kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

• Ban Giám đốc: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc hàng ngày và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyết định công tác quản lý, điều hành, nghị quyết, kế hoạch của HĐQT. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các công việc, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi sai phạm trước pháp luật nhưng Giám đốc vẫn chịu trách nhiệm chính.



CÔNG TY MẸ

Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp

Mã cổ phiếu	SZN
Địa chỉ	Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Vốn điều lệ	3.765.000.000.000 đồng.
Điện thoại	(0251) 8860 561.
Fax	(0251) 8860 573.
Website	sonadezi.com.vn.
Sở hữu DNW	767.869.200.000 đồng – 63,99%.
Giấy chứng nhận ĐKDN	số 3600335363 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/5/2021.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Đầu tư phát triển đô thị công nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc đi thuê.
- Mua, bán, cho thuê kho bãi và nhà xưởng.
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, kinh doanh vật tư, thiết bị ngành nước.
- Kinh doanh cầu cảng, bến bãi, kho tàng và các dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.
- Xây dựng nhà các loại.
- Cho thuê nhà ở.
- Dịch vụ quản lý môi trường.
- Dịch vụ du lịch.
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.



CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch

Địa chỉ	Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
Ngành nghề kinh doanh chính	Khai thác, xử lý và cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.
Vốn điều lệ	100.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu của Dowaco tại 31/12/2021	52,44%.

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh

Địa chỉ	số 02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.
Ngành nghề kinh doanh chính	Khai thác, lọc nước và phân phối nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tại các khu dân cư, cung cấp nguồn nước phục vụ cho hoạt động công nghiệp.
Vốn điều lệ	25.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu của Dowaco tại 31/12/2021	51,00%.

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai

Địa chỉ	Số 52 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Ngành nghề kinh doanh chính	Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch; lắp đặt đường ống cấp nước, thoát nước, bơm nước
Vốn điều lệ	23.450.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu của Dowaco tại 31/12/2021	36,00%.

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân

Địa chỉ	Đường Gia Tân 1, ấp Dốc Mỏ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Ngành nghề kinh doanh chính	Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp; phân phối nước sạch.
Vốn điều lệ	335 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của Dowaco tại 31/12/2021	14,9%.



SỨ MỆNH DOWACO

Đối với khách hàng:

- Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ ngành nước chất lượng cao với sự tận tâm, chuyên nghiệp.
- Luôn lấy khách hàng làm trung tâm và là động lực để đổi mới, phát triển.
- Đầu tư và phát triển các sản phẩm tiện ích của ngành nước để góp phần xây dựng cuộc sống xanh.

Đối với cổ đông:

- Quản trị Công ty trên cơ sở minh bạch để mang lại hiệu quả tối ưu cho cổ đông.
- Tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Đối với đối tác:

- Tạo dựng mối quan hệ hợp tác cùng phát triển trên cơ sở uy tín, thiện chí, tôn trọng và minh bạch.
- Thực hiện nghiêm chỉnh các thỏa thuận hợp tác dựa trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

Đối với người lao động:

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, gắn kết và nhân văn; tạo điều kiện cho CBVN phát triển.
- Gia tăng giá trị về vật chất, tinh thần dành cho người lao động.

Đối với cộng đồng, xã hội:

- Đáp ứng đầy đủ nhu cầu về nước sạch - một yếu tố hạ tầng nền tảng để phát triển kinh tế, xã hội.
- Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Luôn có trách nhiệm và chung tay với cộng đồng, xã hội, đất nước.
- Gắn lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội, tích cực cùng cộng đồng xây dựng môi trường sống bền vững

MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Tuân thủ nghiêm ngặt mọi quy phạm của Nhà nước về thi công mạng lưới cấp nước, bảo vệ hệ thống công trình ngầm nói riêng và cơ sở vật chất hạ tầng nói chung; chấp hành pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả tiết kiệm, hạn chế ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ an ninh nguồn nước.

Phát triển năng lực, nâng cao hiệu quả hoạt động và đạt được sự phát triển an toàn, bền vững cho toàn hệ thống. Tạo ra sự cộng hưởng, gắn kết về sứ mệnh và giá trị cốt lõi để mang lại những thành quả và giá trị đóng góp lớn hơn. Đó thực sự là một mục tiêu cần rất nhiều nỗ lực, nhất là trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới, đồng thời việc tiếp cận và đầu tư dự án mới gặp nhiều khó khăn, sự cạnh tranh ngày càng lớn.

- Phát huy giá trị doanh nghiệp, giá trị thương hiệu trên nền tảng tạo ra giá trị gia tăng cho xã hội, khách hàng, cổ đông và CBNV.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước phát triển mạng lưới.

Tiếp tục chú trọng xây dựng đội ngũ để đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời kỳ mới, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào công tác quản trị, điều hành.

Tiếp tục nỗ lực tái cấu trúc toàn diện, thay đổi tư duy kinh doanh trong bối cảnh mới và triển khai đầu tư hiệu quả nhằm tạo nên sức mạnh mới, định vị lại mình ở một tầm vóc mới, diện mạo mới để nắm bắt, tận dụng được các cơ hội phát triển.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Bức tranh kinh tế thế giới năm 2022 phân chia thành hai nửa rõ rệt: 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm 2022. Bước vào đầu năm 2022, kinh tế toàn cầu phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ sau một năm suy thoái vì đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, kể từ giữa năm 2022, khi xung đột Nga - Ukraine gia tăng, kết hợp chính sách "Zero Covid" của Trung Quốc làm chậm lại đà phục hồi kinh tế toàn cầu, gia tăng tình trạng gián đoạn nguồn cung và đẩy giá hàng hóa thế giới tăng mạnh. Việc giá hàng hóa thế giới tăng (bao gồm giá dầu, lương thực, thực phẩm) cùng với sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu làm gia tăng chi phí sản xuất, khiến lạm phát toàn cầu tăng lên nhanh chóng, nhiều quốc gia chứng kiến mức lạm phát kỷ lục trong nhiều năm.

Kinh tế Việt Nam năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Nhìn lại năm 2022, kinh tế Việt Nam đã có một "bộ phóng" tốt khi tăng trưởng GDP thuộc diện cao nhất trên thế giới, đồng thời được đánh giá cao về kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm 2021, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022 do nền kinh tế khôi phục trở lại.

Bước sang năm 2023, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với những thuận lợi và thách thức đan xen từ cả bên trong lẫn bên ngoài. Trên thế giới, xung đột địa chính trị, cạnh tranh chiến lược giữa các nước ngày càng gay gắt; một số nền kinh tế lớn đối mặt với nguy cơ suy thoái khiến xuất khẩu, thu hút FDI khó khăn hơn và chậm lại; áp lực lạm phát, lãi suất, tỷ giá tăng vẫn còn lớn; thị trường vốn, bất động sản, chứng khoán còn nhiều điểm nghẽn, các quy định pháp lý còn nhiều bất cập...

Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Để phục vụ kinh doanh, đầu tư, hầu như tất cả các doanh nghiệp đều phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài như huy động từ ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Khi lập kế hoạch kinh doanh và dự án đầu tư, lãi suất tiền vay đã được dự tính. Song, có rất nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp tác động đến lãi suất tiền vay. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.



Rủi ro pháp luật

Dowaco luôn coi tuân thủ pháp luật là một mục tiêu quan trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có tác động tới quá trình hoạt động của Công ty. Với vai trò là một doanh nghiệp trong nền kinh tế, Dowaco chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý thuế ... và các văn bản dưới Luật liên quan. Bên cạnh đó, là một công ty đại chúng và đã đăng ký giao dịch tại sàn UPCOM, Công ty cũng chịu ảnh hưởng nhiều từ sự thay đổi, cập nhật của Luật Chứng khoán cùng các Nghị định, Thông tư liên quan. Đặc biệt, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành vào 26/11/2019 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành vào 17/06/2020 đã cùng có hiệu lực từ 01/01/2021 với nhiều quy định, cơ chế mới thay thế so với các quy định cũ, sẽ góp phần tạo một hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, giúp Công ty có thể hoạt động một cách hiệu quả.



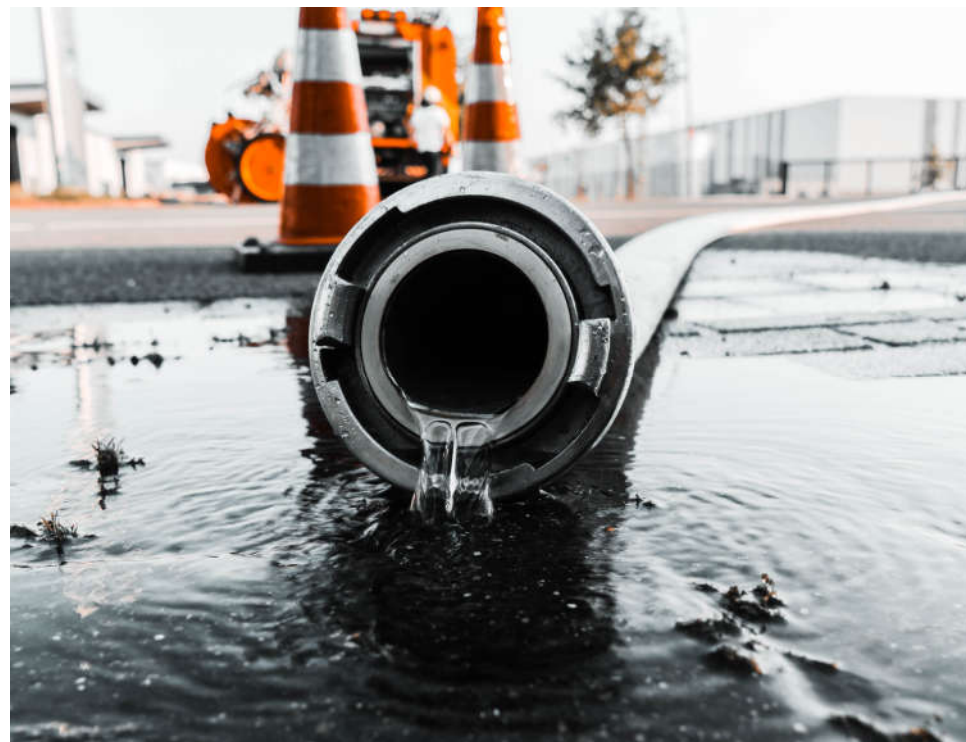
Ngoài ra, khai thác và phân phối nước đến các đô thị, khu công nghiệp - mảng kinh doanh chính của Dowaco còn chịu sự ràng buộc của Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường,... cũng như các quy định về chất lượng nước đến khách hàng mà gần đây là Chỉ thị số 34/CT-TTg ban hành ngày 28/8/2020 về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục. Việt Nam ngày càng hội nhập phát triển, đòi hỏi việc phải luôn thay đổi, cập nhật để hệ thống pháp lý được hoàn thiện hơn. Sự thay đổi của Luật và các văn bản dưới Luật sẽ có ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động vận hành doanh nghiệp, đòi hỏi Ban Lãnh đạo Công ty phải thận trọng và kịp thời cập nhật các thay đổi để đảm bảo giảm rủi ro về mặt quản trị, cơ chế quản lý xuống mức thấp nhất.



Rủi ro thất thoát nước

Đối với các doanh nghiệp ngành cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu, là một tiêu chí trong quản lý tài nguyên của Công ty. Nước rò rỉ được phân theo hai dạng chính là loại dễ thấy (nước tràn trên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua suối...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn. So sánh với các nước trong cùng khu vực, tỷ lệ thất thoát nước tại Việt Nam luôn nằm trong nhóm cao, gây lãng phí lớn.

Nguyên nhân thất thoát nước lớn là do hệ thống đường ống cấp nước ở nhiều đô thị quá cũ, có nhiều tuyến ống sử dụng lâu năm nên tình trạng đường ống nước bị vỡ khiến nước bị rò rỉ hoặc chảy tràn lan ra ngoài là điều dễ thấy. Ngoài ra còn có cả sự gian lận trong sử dụng nước của một bộ phận người dân còn thiếu ý thức chấp hành quy định dẫn đến nguồn nước sạch bị thất thoát trầm trọng. Trước thực trạng trên, Dowaco đã lên phương pháp kiểm tra, sửa chữa, thay thế các đoạn hư hỏng, rò rỉ đồng thời áp dụng công nghệ thông tin trong thực hiện quản lý mạng lưới tuyến ống, tài sản. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện giám sát thi công các tuyến ống hộ hùn, đồng hồ khách hàng đảm bảo đúng hồ sơ thiết kế.



Nước sạch cho cuộc sống xanh!

Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Cũng như các doanh nghiệp khai thác và cung cấp nước khác, Dowaco lấy nguồn đầu vào từ các sông, các hồ, mạch nước ngầm thuộc khu vực như sông Đồng Nai, hồ Trị An, Gia Ui ... Tuy nhiên, khu vực này cũng là nơi tập trung nhiều doanh nghiệp, khu công nghiệp và đất sản xuất nông nghiệp. Tình trạng ô nhiễm do không sử dụng hệ thống xử lý nước thải đúng chuẩn, xả rác ven sông, hồ, các sản phẩm hóa học phục vụ nông nghiệp làm suy giảm chất lượng nguồn nước đầu vào của công ty.

Bên cạnh các yếu tố thuộc về con người, thời tiết cũng đóng vai trò quan trọng trong trữ lượng cũng như chất lượng của nguồn nước đầu vào. Tình hình thời tiết năm 2022 khá khắc nghiệt, đầu năm nắng gắt, hạn hán, cuối năm mưa bão, và dự báo tình hình năm 2023 nghiêm trọng hơn do hậu quả của biến đổi khí hậu mà Việt Nam là một trong những nước chịu nhiều ảnh hưởng nhất.

Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Do cung cấp nước sạch được quy định là dịch vụ công ích đồng thời lại được quy định là hoạt động sản xuất kinh doanh chịu sự kiểm soát của Nhà nước nên giá bán sản phẩm Công ty phải thực hiện theo Quyết định số 20/2014/QĐ – UBND ngày 23/05/2014 về việc ban hành giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và không thể chủ động trong việc điều chỉnh giá cung cấp nước tức thời. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề này cần phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Hơn nữa, giá bán nước luôn được Nhà nước điều chỉnh để hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng nước. Để đảm bảo lợi ích chung, Nhà nước ban hành ra các khung giá về nước áp dụng cho các khu vực và đối tượng khác nhau, chính vì thế giá bán nước tại một số thời điểm chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường nên có khả năng ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro thị phần cấp nước

Việc thỏa thuận dịch vụ cấp nước: Thực trạng hiện nay trên địa bàn tỉnh có một số đơn vị cấp nước đầu tư hệ thống cấp nước chồng lấn vào vùng cấp nước hiện hữu của Công ty không tuân thủ theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính Phủ và Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BXD ngày 27/04/2020 của Bộ Xây Dựng về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Quyết định 673/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh duyệt Đề án cấp nước sạch tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025.

Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch, thiên tai, hỏa hoạn,... Những rủi ro này mặc dù khó xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền đồng thời linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.





CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	16
Tổ chức nhân sự	18
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	21
Tình hình tài chính	23
Cơ cấu cổ đông	26
Báo cáo phát triển bền vững	28

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

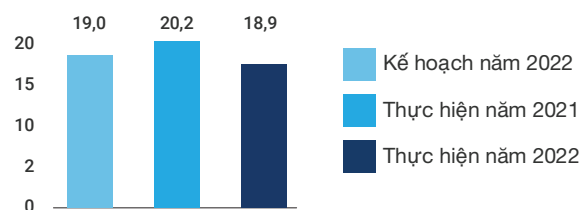
SẢN LƯỢNG NƯỚC SẢN XUẤT

Căn cứ chuẩn thu tháng 12/2022 tình hình cung cấp nước thể hiện qua bảng số liệu sau:

Đơn vị: m³

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ % so kế hoạch
Sản lượng sản xuất	136.481.254	136.400.000	137.510.050	100,8
Sản lượng ghi thu	108.863.439	110.484.000	111.469.254	100,9

Tỷ lệ thất thoát



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ % so kế hoạch
Doanh thu	1.173.430	1.035.000	1.218.698	117,7
Lợi nhuận trước thuế	397.189	240.000	387.400	161,4
Lợi nhuận sau thuế	376.499	228.000	367.844	161,3

- Năm 2022 là một năm vẫn còn nhiều khó khăn, do sau đại dịch covid-19 nhiều yếu tố còn ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhờ sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của UBND Tỉnh, các Sở ban ngành, chính quyền các địa phương, sự hỗ trợ và chỉ đạo của Tổng Công ty Sona-dezi, đặc biệt trong điều hành của Ban lãnh đạo Công ty đã có những điều chỉnh kịp thời và thực hiện các biện pháp cải tiến công tác quản trị, cùng với sự nỗ lực của toàn thể CB.CNV đã giúp tình hình hoạt động của Công ty luôn ổn định và hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao, tỷ lệ thất thoát bình quân đạt được theo kế hoạch đề ra (kế hoạch: <19 %, thực hiện: 18,9 %).

CƠ CẤU DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ % so kế hoạch
Doanh thu sản xuất nước máy	980.000	977.789	1.016.298	103,7
Doanh thu xây lắp	28.000	33.426	50.729	181,2
Doanh thu hoạt động tài chính	20.000	150.584	142.277	711,4
Doanh thu Doriv	2.000	4.772	3.029	151,4
Doanh thu khác	5.000	6.856	6.365	127,3

Doanh thu tài chính đạt 142,3 tỷ đồng chủ yếu là do phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại gốc ngoại tệ cuối kỳ là 109,6 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận sau thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tăng đột biến so với kế hoạch.

- Trong công tác sản xuất, các đơn vị chi nhánh đã thực hiện tốt việc vận hành các nhà máy cũng như các chính sách Công ty đề ra góp phần hoàn thành kế hoạch chung của Công ty.

- Công tác tiết giảm chi phí tiếp tục được Ban điều hành Công ty quan tâm thực hiện tốt, qua đó giúp lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch.

Trong công tác quản lý điều hành, sự thống nhất tư tưởng trong tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV, người lao động, nhìn chung năm 2022 Công ty đã có nhiều nỗ lực, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng nước, tỷ lệ thất thoát nước, doanh thu, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách so với kế hoạch đã đề ra; riêng chỉ tiêu về đầu tư xây dựng cơ bản chưa đạt theo kế hoạch do các yếu tố liên quan đến hồ sơ, thủ tục, xin chủ trương đầu tư mất nhiều thời gian dẫn việc triển khai các dự án còn chậm.

Công tác đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tiếp tục được quan tâm, ổn định tư tưởng chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng, an toàn nguồn nước. Các tổ chức đoàn thể hoạt động đúng theo định hướng và Điều lệ.



Nước sạch cho cuộc sống xanh!

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc
2	Ông Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc
3	Ông Nguyễn Cao Hà	Phó Giám đốc
4	Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc
5	Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng

Bà PHẠM THỊ HỒNG

Giám đốc

- Năm sinh: 1979.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022: 25.000.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 25.000.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ.



Ông ĐẶNG VĂN CHẤT

Phó Giám đốc

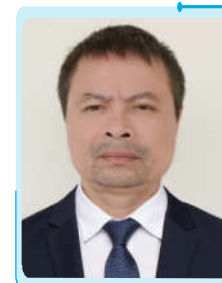
- Năm sinh: 1977.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022: 10.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 10.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.



Ông NGUYỄN CAO HÀ

Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1971.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính; Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022: 10.000.020 cổ phần, chiếm 10,01% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 20 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 10.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.



Ông NGUYỄN QUANG MINH

Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1980.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022: 0 cổ phần.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Bà Nguyễn Thu Oanh

Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1969.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022: 36.964 cổ phần, chiếm 0,03 vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 36.964 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2022

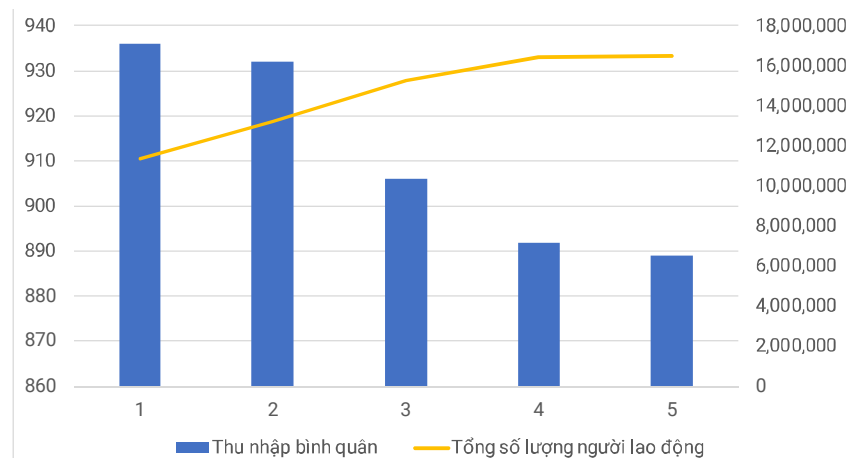
Trong năm 2022, Ban Giám đốc gồm 4 thành viên (trong đó, ông Nguyễn Quang Minh được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty từ ngày 01/11/2022) mỗi thành viên đều phát huy vai trò trách nhiệm của mình trong công việc.

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	889	100%
1	Theo trình độ đại học, trên đại học	494	55,57%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	116	13,05%
3	Trình độ Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	57	6,41%
II	Theo loại hợp đồng lao động	889	100%
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	81	9,11%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	808	90,89%
III	Theo giới tính	889	100%
1	Nam	588	66,14%
2	Nữ	301	33,86%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	936	932	906	892	889
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.400.000	13.200.000	15.300.000	16.443.950	16.500.000





CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Công tác đào tạo và đào tạo lại hàng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của CBCNV về quản lý kinh doanh, an toàn lao động và an toàn vệ sinh,... từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Riêng lao động cần nâng cao tay nghề khi phát sinh những quy trình công nghệ mới đều được gửi đi đào tạo chuyên sâu trực tiếp tại các đơn vị.

Chính sách thu hút nhân tài thì Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các CBCNV giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Về tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Nhân sự được tuyển dụng không chỉ có năng lực phù hợp mà còn được định hướng phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài cùng Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe gồm các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao và phúc lợi mới của Công ty

Chính sách lương

Điều 1: Thời điểm trả lương căn cứ ghi trên hợp đồng lao động và được thanh toán làm 2 lần vào ngày 20 của tháng hiện tại và ngày 5 của tháng liền kề.

Đơn giá trả lương được căn cứ vào mức lương được ghi trên hợp đồng lao động cá nhân. Người lao động khi lãnh lương phải biết được mọi khoản lương được lãnh của mình.

Điều 2: Căn cứ vào quy định của luật lao động 2019 và quy chế tiền lương của công ty, tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều phải qua thời gian thử việc và được hưởng 85% lương căn bản theo chức danh công việc hoặc theo Bộ luật hiện hành. Sau thời gian thử việc nếu người lao động được chính thức ký hợp đồng tuyển dụng thì sẽ được hưởng 100% lương căn bản theo chức danh công việc.

Điều 3: Nếu có nhu cầu làm thêm giờ thì người lao động được trả lương làm thêm giờ theo điều 97 Chương VI của Bộ luật lao động đã được sửa đổi và theo quy định của Bộ luật lao động hiện hành.

- Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%.

- Vào ngày nghỉ hàng tuần, ít nhất bằng 200%.

- Vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300%.

- Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.

- Người lao động làm việc thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định, người lao động còn được trả thêm 20% tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc ban ngày.

Khen thưởng

Chế độ khen thưởng (do doanh nghiệp định mức thực hiện theo Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về tiền lương) và theo Quy chế lương và Nội quy lao động Công ty, Thưởng ít nhất 01 tháng lương (tháng lương thứ 13) cho Người lao động theo mức lương trên HĐLĐ và tùy vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Đến ngày 31/12/2022 chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang là: 149.924.469.944 đồng, bao gồm các công trình cơ bản như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Tên công trình	Giá trị
1	Dự án Nhơn Trạch GD1	21.018.104.772
2	Dự án Nhơn Trạch GD2	86.313.722.950
3	Dự án Thiện Tân GD2	20.490.518.415
4	Cải tạo, nâng công suất NMN Biên Hòa	7.238.807.454
5	Di dời trạm bơm nước thô nhà máy nước Biên Hòa	1.099.774.000
6	XD trạm xử lý bùn NMN Biên Hòa	1.592.145.063
7	Tuyến ống chuyển tải cấp nước cho 3 xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa H. Xuân Lộc	554.282.582
8	TOCN từ trạm bơm Gia ray đi Tâm Hưng Hòa	657.151.417
9	HTCN xã An Phước GD1	530.247.693
10	HTCN KCN Tân Đức, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	543.379.453
11	Mở rộng mạng lưới cấp nước cho 4 xã (Bình Lợi, Bình Hòa, Tân Bình, Ấp 7 Thạnh Phú) H.Vĩnh Cửu	618.441.433
12	Các công trình/dự án khác	9.267.894.712
Tổng cộng		149.924.469.944

- Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 không đạt theo kế hoạch chủ yếu là do những nguyên nhân sau:

+ Việc xin thỏa thuận về hướng tuyến, xin cấp phép thi công xây dựng công trình theo các quy định mới nên mất khá nhiều thời gian làm kéo dài thêm tiến độ dự án.

+ Các dự án xin giao đất, thuê đất còn gặp khó khăn trong quá trình xin chủ trương đầu tư thực hiện dự án, việc xử lý tại các Sở chuyên ngành quá lâu dẫn đến tiến độ của dự án bị ảnh hưởng.

Tình hình thực hiện các dự án

STT	Tên dự án	Tiến độ
1	HTCN Nhơn Trạch GĐI, công suất 100.000m ³ /ngày	Hiện tại, Văn phòng Chính phủ đã chuyển văn bản trên đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, xử lý.
2	HTCN Nhơn Trạch GĐII, công suất 100.000m ³ /ngày	Hiện tại Công ty gửi Nhà thầu Kumho văn bản số 541/CN-BQLDA tiếp tục yêu cầu Nhà thầu hoàn thành công tác thanh/quyết toán Hợp đồng 104/HĐ-CN
3	Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II, công suất 100.000m ³ /ngày	Tổng Công ty đã có văn bản số 07/SNZ-DAKD chỉ đạo Công ty triển khai công tác lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư theo chỉ đạo của Bộ Tài chính tại văn bản 11457/BTC-QLN ngày 07/11/2022 và chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai đúng theo quy định của pháp luật
4	Cải tạo, Nâng công suất Nhà máy nước Biên Hòa	Gia hạn hợp đồng XL đến ngày 16/3/2023 Đang xử lý kỹ thuật một số công việc trong Gói 3 xây lắp.

STT	Tên dự án	Tiến độ
5	TOCN từ Trạm bơm Gia Ray đến Trạm bơm Tâm Hưng Hòa	Hoàn thành công tác LCNT và ký HĐXL vào ngày 26/12/2022 Khu QL Đường bộ IV cấp phép thi công
6	Tuyến ống cấp nước cho KCN Tân Đức, H.Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Hoàn thành công tác LCNT và ký HĐXL vào ngày 20/12/2022 Khu QL Đường bộ IV cấp phép thi công
7	Tăng cường nguồn Tuyến ống cấp nước đường Nguyễn Văn Tô, P. Long Bình Tân	Thi công hoàn thành, đạt 80% KLTH theo HD
8	Tuyến ống cấp nước HDPE OD560 trên đường Vũ Hồng Phô (từ HTCN Nhơn Trạch giai đoạn 1 cấp cho huyện Long Thành)	Hoàn thành công tác LCNT và khởi công XD công trình UBND huyện Long Thành chưa cấp phép để tổ chức thi công
9	Mở rộng mạng lưới cấp nước cho 04 xã (Bình Lợi, Bình Hòa, Tân Bình và ấp 7, Thạnh Phú), huyện Vĩnh Cửu	Ký HĐXL vào ngày 19/12/2022. Ngày 13/1/2023, UBND huyện Vĩnh Cửu cấp phép thi công. Khởi công vào ngày 06/2/2023 và dự kiến hoàn thành ngày 12/5/2023.
10	Tuyến ống HDPE OD225 hẻm 370 xa lộ Hà Nội	Ký HĐXL vào ngày 19/12/2022. Ngày 16/3/2023, UBND Tp Biên Hòa cấp phép thi công.



ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tổng giá trị khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác đến ngày 31/12/2022 là 164.599 triệu đồng (giá trị đã trích lập dự phòng trong năm 2022 là 0 triệu đồng) doanh thu từ đầu tư tài chính năm 2022 là: 9.765 triệu đồng thể hiện qua bảng số liệu sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị khoản đầu tư đầu kỳ	Giá trị khoản đầu tư cuối kỳ	Tỷ lệ góp vốn/VĐL	Vốn CSH của cty con, cty liên kết	Tỷ lệ cổ tức	Giá trị
I	Đầu tư vào công ty con	103.729	103.729	-	-	-	8.204
1	Công ty CPCN Nhơn Trạch	90.979	90.979	52,44%	100.000	12%	6.292
2	Công ty CPCN Long Khánh	12.750	12.750	51%	25.000	15%	1.912
II	Đầu tư vào công ty liên kết	51.550	57.800	-	-	-	1.266
1	Cty CP Dịch vụ & CD cấp nước	7.800	7.800	36%	23.450	15%	1.266
2	Công ty CPCN Gia Tân	43.750	50.000	14,93%	-	-	-
III	Đầu tư tài chính khác	3.070	3.070	-	-	-	295
1	Cty CP Sonadezi Châu Đức	1.040	1.040	0,10%	1.000.000	10%	95
2	Cty CP Dịch vụ Sonadezi	2.030	2.030	2%	50.000	20%	200
	Tổng cộng	158.349	164.599	-	-	-	9.765

Nhìn chung các công ty có vốn góp hoạt động có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

Riêng Công ty CP cấp nước Gia Tân (Giwaco), tình hình kinh doanh của Công ty không cho thấy sự hiệu quả, tính đến thời điểm 31/12/2022 số lỗ lũy kế 85,9 tỷ đồng, trong đó lỗ của riêng năm 2022 là 34,5 tỷ đồng; với giá trị của khoản đầu tư vào Giwaco, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính lũy kế đến ngày 31/12/2022 là 12,8 tỷ đồng.



Nước sạch cho cuộc sống xanh!

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty CP Dịch vụ & XD Cấp nước Đồng Nai (DVW) *Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	%2022/2021
1	Tổng tài sản	72.788	67.524	93%
2	Doanh thu thuần	57.636	50.472	88%
3	Giá vốn hàng bán	38.776	29.092	75%
4	Lợi nhuận gộp	18.860	21.379	113%
5	Lợi nhuận khác	141	34	241%
6	Lợi nhuận trước thuế	9.237	11.401	123%
7	Lợi nhuận sau thuế	8.345	9.945	119%

Công ty CP Cấp nước Long Khánh (LKW) *Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	%2022/2021
1	Tổng tài sản	74.615	86.693	116%
2	Doanh thu thuần	52.209	52.834	101%
3	Giá vốn hàng bán	22.429	21.187	94%
4	Lợi nhuận gộp	29.780	31.647	106%
5	Lợi nhuận khác	69	-896	-1299%
6	Lợi nhuận trước thuế	18.102	18.847	104%
7	Lợi nhuận sau thuế	16.048	16.642	104%

Công ty CP Cấp nước Gia Tân

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	%2022/2021
1	Tổng tài sản	334.717	780.907	233%
2	Doanh thu thuần	7.844	15.621	199%
3	Giá vốn hàng bán	16.027	24.367	152%
4	Lợi nhuận gộp	-8.183	-8.746	107%
5	Lợi nhuận khác	5.169	141.14	2820%
6	Lợi nhuận trước thuế	-30.000	-34.502	115%
7	Lợi nhuận sau thuế	-30.000	-34.502	115%

Công ty CP Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) *Đơn vị: Triệu đồng*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	%2022/2021
1	Tổng tài sản	212.015	185.982	88%
2	Doanh thu thuần	162.139	153.525	95%
3	Giá vốn hàng bán	136.601	133.068	97%
4	Lợi nhuận gộp	25.539	20.457	80%
5	Lợi nhuận khác	3.544	207	5,8%
6	Lợi nhuận trước thuế	16.851	10.486	62%
7	Lợi nhuận sau thuế	15.265	9.086	60%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%2022/2021
1	Tổng giá trị tài sản	3.771.313	3.535.571	93,75%
2	Doanh thu thuần	1.155.791	1.216.615	105,26%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	423.607	398.381	94,04%
4	Lợi nhuận khác	7.454	3.278	43,97%
5	Lợi nhuận trước thuế	431.061	401.659	93,18%
6	Lợi nhuận sau thuế	406.711	378.498	93,06%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	12%	16%	133,33%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,18	1,41
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,10	1,31
Chỉ tiêu cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	45,79%	37,80%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	84,45%	60,78%
Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,69	1,04
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,32	0,33

Chỉ tiêu

ĐVT

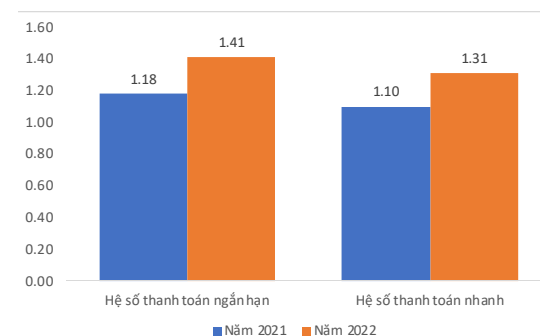
Năm 2021

Năm 2022

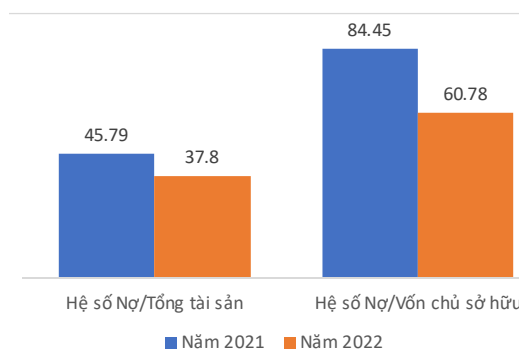
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	35,19%	31,11%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,00%	17,84%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,11%	10,36%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	36,65%	32,75%

Khả năng thanh toán



Cơ cấu vốn



Nhìn chung, các chỉ số tài chính của Công ty đã được cải thiện hơn so với năm 2021, các chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, thanh toán nhanh đều được đảm bảo.

Lãi thực hiện sau thuế năm 2022 = 367.844.353.176 đồng > 0, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có lãi, do đó Công ty bảo toàn và phát triển vốn.

Nước sạch cho cuộc sống xanh!

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *không có.*

Giao dịch cổ phiếu quỹ: *không có*
Các chứng khoán khác: *không có.*



120.000.000
cổ phiếu đang
lưu hành



Loại cổ phiếu
cổ phiếu phổ
thông



Mệnh giá cổ phần
10.000 đồng



Cơ cấu cổ đông (chốt đến ngày 20/3/2023)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	683	119.866.263	1.198.662.630.000	99,89
1	Cổ đông nhà nước	1	76.786.920	767.869.200.000	99,89
2	Cổ đông lớn	2	36.715.399	367.153.990.000	30,60
3	Cổ đông tổ chức	2	550.820	5.508.200.000	0,46
4	Cổ đông cá nhân	678	5.813.124	58.131.240.000	4,48
II	Cổ đông nước ngoài	15	133.737	1.337.370.000	0,11
1	Tổ chức	11	63.037	630.370.000	0,06
2	Cá nhân	4	70.700	707.000.000	0,05
	Tổng cộng	698	120.000.000	1.200.000.000.000	100

Danh sách cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	76.786.920	63,99%
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	Số 11, Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	22.240.000	18,5%
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Số 11B, Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	14.475.399	12,06%



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Nước sạch cho cuộc sống xanh!

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Tác động lên môi trường

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn ra mạnh mẽ, nhân loại đang phải đối mặt với các nguy cơ đến từ việc hiệu ứng khí nhà kính, băng tan, mực nước biển dâng lên... Các bên liên quan đang yêu cầu các doanh nghiệp giải trình về trách nhiệm của mình trong những vấn đề này. Là một doanh nghiệp phục vụ công ích và cung cấp nguồn nước nên chúng tôi kiểm soát chặt chẽ việc phát thải để đảm bảo một quy trình sản xuất thân thiện với môi trường và cộng đồng. Để hạn chế thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra, Công ty tạo điều kiện cho CBCNV học hỏi, trao đổi thêm kiến thức từ công tác nhân sự, tài chính, kỹ thuật, an toàn lao động... liên quan đến những hoạt động chính yếu cũng như phụ trợ của công ty để từ đó có những đề xuất xử lý can thiệp phù hợp và kịp thời nhất.

Luôn tuân thủ các quy trình và thủ tục lấy nước thô của chính quyền và địa phương cho các

nhà máy xử lý nước. Hoàn thiện hồ sơ cam kết môi trường khi bắt đầu dự án mới. Phối hợp vận hành với các nhà máy nước và đội quản lý mạng cấp nước nhằm kiểm soát và tiết kiệm được lượng điện năng, hóa chất tiêu thụ một cách hiệu quả. Xây dựng quy định, cũng như các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn điện theo chương trình tiết kiệm điện của các sở ban ngành.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất nước sạch bao gồm một số hóa chất xử lý nước theo quy định phù hợp với tiêu chuẩn nước ăn uống như vôi, phèn, clo, PAC... Những nguyên vật liệu này được Dowaco bảo quản trong điều kiện tốt nhất và thực hiện các công tác kiểm tra, thay thế, bổ sung định kỳ để đảm bảo tình trạng tốt nhất của nguyên vật liệu khi đưa vào sản xuất.

Hàng năm Công ty rà soát và lên kế hoạch thực hiện công tác sửa chữa ống cũ mục để đảm bảo cung cấp nước sạch cho khách hàng và tránh thất thoát nước. Thực hiện nghiêm chế độ bảo vệ hệ thống công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước trên địa bàn phục vụ.



Tiêu thụ năng lượng, nước

Việc tiêu thụ năng lượng và tiêu thụ nước chủ yếu dùng để phục vụ cho hoạt động tại văn phòng làm việc. Công ty tiếp tục thực hiện việc sử dụng điện nước tiết kiệm để tiết kiệm chi phí cho Công ty. Công ty đã thực hiện triển khai lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại văn phòng làm việc, góp phần giảm được chi phí tiền điện tại văn phòng Công ty.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ thống các công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước trên địa bàn phục vụ; xem nước sạch là sản phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu

Chính sách liên quan đến người lao động

Với mục tiêu đóng góp cho cộng đồng thông qua sản phẩm và dịch vụ của Công ty, với từng dự án được triển khai, Công ty đều có sự chú trọng đến tác động xã hội trong công tác tuyển dụng, đào tạo, kiến tạo môi trường làm việc và cộng đồng trong khu vực của dự án. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công việc luôn có sự ưu tiên cho lao động tại địa phương nơi dự án hình thành và phát triển. Công ty đặc biệt quan tâm đến các chính sách, chế độ tiền lương cho người lao động, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tương xứng với sự phát triển của công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng. Công ty cũng hay phát động chương trình Ủng hộ người nghèo, từ thiện, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt thiên tai... góp phần tích cực vào chương trình an sinh xã hội của chính phủ.



CHƯƠNG 3

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh	30
Tình hình tài chính	31
Những cải tiến trong năm 2022	32
Kế hoạch trong tương lai	33
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	33



Nước sạch cho cuộc sống xanh!



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Thuận lợi

Sự quan tâm, chỉ đạo của UBND Tỉnh, các Sở ban ngành và chính quyền các địa phương và Tổng công ty Sonadezi đã tạo thuận lợi rất lớn, có tác động tích cực đến những kết quả trên mọi mặt hoạt động của Công ty.

Sự quyết tâm, nỗ lực của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng của toàn thể CB.CNV và người lao động tại Công ty.

Khó khăn

- Đối với các dự án: còn gặp khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, xin chủ trương đầu tư để thuê đất, việc xin thỏa thuận về hướng tuyến, cấp phép thi công xây dựng công trình mất nhiều thời gian, bị kéo dài làm ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và tiến độ thực hiện các dự án.

- Việc thỏa thuận dịch vụ cấp nước: Thực trạng hiện nay trên địa bàn tỉnh có một số đơn vị cấp nước đầu tư hệ thống cấp nước chông lán vào vùng cấp nước hiện hữu của Công ty không tuân thủ theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính Phủ và Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BXD ngày 27/04/2020 của Bộ Xây Dựng về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Quyết định 673/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh duyệt Đề án cấp nước sạch tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025. Công ty đã hoàn thiện hồ sơ xin thỏa thuận vùng cấp nước gửi Sở Xây dựng, đến nay vẫn chưa được UBND tỉnh ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Giá bán nước sạch đang áp dụng được xây dựng trên mặt bằng giá năm 2014, chi phí nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất nước máy tăng đã làm cho giá thành sản xuất nước của Công ty tăng nhiều so với năm 2014.

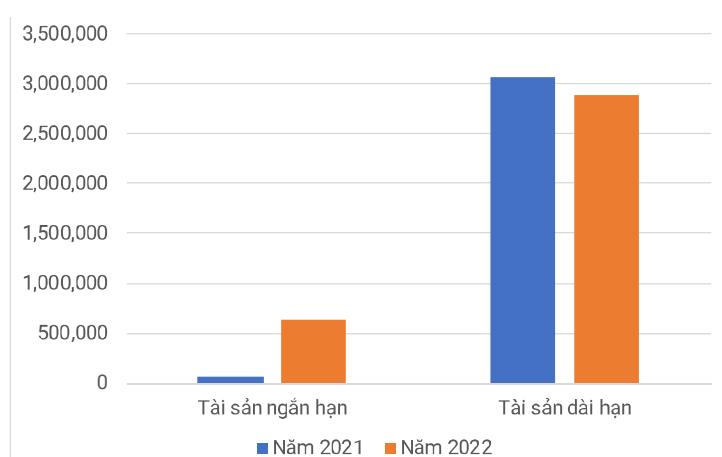
STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ % so KH
1	Sản lượng				
	- Lượng nước sản xuất	m3	136.400.000	137.510.050	100,8
	- Sản lượng nước ghi thu	m3	110.484.000	111.469.254	100,9
2	Tỷ lệ thất thoát trung bình	%	19,0	18,9	-0,1
3	Doanh thu (Loại CLTG)	Tr.Đồng	1.035.000	1.109.104	107,1
	- Doanh thu nước	Tr.Đồng	980.000	1.016.298	103,7
	- Doanh thu xây lắp	Tr.Đồng	28.000	50.729	181,2
	- Doanh thu HĐTC (Loại CLTG)	Tr.Đồng	20.000	32.683	163,4
	- Doanh thu Doriv	Tr.Đồng	2.000	3.029	151,4
	- Doanh thu khác	Tr.Đồng	5.000	6.365	127,3
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.Đồng	240.000	378.400	161,4
	- Lợi nhuận hoạt động SXKD	Tr.Đồng	240.000	277.806	115,7
	- Lãi chênh lệch tỷ giá	Tr.Đồng	-	109.594	-
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.Đồng	228.000	367.844	161,3
	- Lợi nhuận hoạt động SXKD	Tr.Đồng	228.000	263.730	115,7
	- Lãi chênh lệch tỷ giá	Tr.Đồng	-	104.114	-
6	Các khoản phải nộp NS	Tr.Đồng	90.000	103.497	115
7	Các khoản đã nộp NS	Tr.Đồng	-	112.798	-
8	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.Đồng	636.000	199.046	31,3

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

Khoản mục	Năm 2021		Năm 2022	
	Chỉ tiêu	Tỷ trọng	Chỉ tiêu	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	710.119.791.548	18,83%	641.171.344.903	18,13%
Tài sản dài hạn	3.061.193.420.475	81,17%	2.894.399.988.690	81,87%
Tổng tài sản	3.771.313.212.023	100%	3.535.571.333.593	100%



Đơn vị: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	998.091.557.164	446.892.959.927	0,45
Máy móc, thiết bị	1.185.800.285.822	365.558.845.801	0,31
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.905.711.866.084	1.582.162.811.679	0,54
Thiết bị, dụng cụ quản lý	51.603.345.192	972.764.068	0,02
TSCĐ hữu hình khác	7.900.515.048	662.630.844	0,08
Tổng cộng	5.149.107.569.310	2.396.250.012.319	0,47

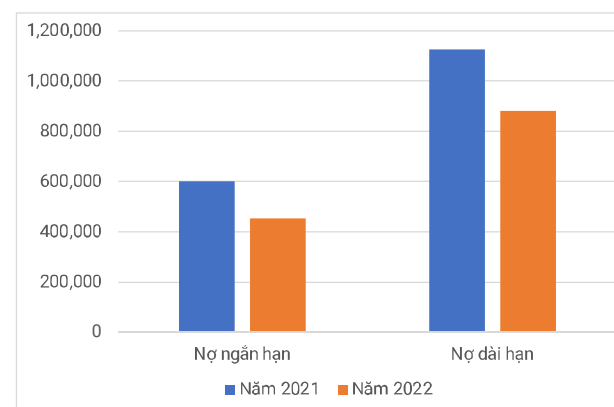
Đơn vị: Đồng

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	350.929.202.176	290.504.564.816	0,83
Quyền phát hành	2.814.843.027	981.143.954	0,35
Phần mềm kế toán	2.789.705.088	236.027.770	0,08
Tổng cộng	356.533.750.291	291.721.736.540	0,82

Tình hình nợ phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

Khoản mục	Năm 2021		Năm 2022	
	Chỉ tiêu	Tỷ trọng	Chỉ tiêu	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	599.829.014.414	34,47%	456.254.208.597	34,14%
Nợ dài hạn	1.126.882.764.395	65,26%	880.270.441.625	65,86%
Tổng nợ phải trả	1.726.711.778.809	100%	1.336.524.650.222	100%



Nước sạch cho cuộc sống xanh!

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã nghiên cứu, ứng dụng các cải tiến về công nghệ thông tin, công cụ quản trị mới vào hoạt động sản xuất công ty như lắp đặt các hệ thống giám sát, các cảm biến quan trắc, cải thiện hiệu suất làm việc của Công ty, hướng đến hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đặt ra.

Ban Giám đốc và các phòng ban đã xây dựng, cải tiến các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian của cả khách hàng lẫn nhân viên công ty cho công tác xử lý hồ sơ, từ đó cải thiện trải nghiệm khách hàng.

Công ty đã đưa ra thị trường sản phẩm nước uống tinh khiết đóng chai “DORIV”, đa dạng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty trên thị trường. Đây là một nỗ lực mang đến cho khách hàng sản phẩm chất lượng và tiện ích, đồng thời cố vũ xu hướng tiêu dùng xanh và góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, nguồn nước. Qua đó, Công ty nhấn mạnh chiến lược gắn với slogan “Nước sạch cho cuộc sống xanh”.

Công ty luôn kịp thời sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động, các quy chế nội bộ khác để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Đầu tư máy móc thiết bị, cải thiện cơ sở vật chất cho các đơn vị để nâng cao năng lực sản xuất. Đồng thời kết hợp việc mời các chuyên gia, kỹ sư cao cấp hợp tác và tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ trong công ty.

Tăng cường sự hỗ trợ từ các đơn vị chức năng (phòng hành chính nhân sự, phòng tài chính kế toán...), rút ngắn thời gian thực hiện các công đoạn có liên quan.

Tăng cường giám sát chất lượng sản phẩm tư vấn thiết kế, tăng cường tiếp nhận phản hồi của khách hàng về chất lượng hồ sơ; Tiếp tục thực hiện quy trình phân công trách nhiệm từ lãnh đạo công ty cho đến chủ nhiệm, chủ trì và cán bộ thiết kế để nâng cao chất lượng dịch vụ.

Công ty tích cực và chủ động tham gia các hiệp hội nghề nghiệp, tham gia các diễn đàn, hội thảo chuyên môn, củng cố trang web, và các hoạt động quảng cáo.

Công ty cùng với các tổ chức, đoàn thể trong Công ty như Đảng ủy, công đoàn, đoàn Thanh niên thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước, tiếp tục chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, tham gia tích cực công tác xã hội.

Tạo điều kiện để người lao động được tham gia học tập, nâng cao trình độ.

Xây dựng quy chế năng bậc lương theo hướng công bằng và có lợi cho người lao động.

KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
1	Tổng doanh thu - Doanh thu kinh doanh nước - Doanh thu dịch vụ lắp đặt - Doanh thu hoạt động tài chính - Doanh thu nước uống Doriv + khác	Tr.Đồng Tr.Đồng Tr.Đồng Tr.Đồng Tr.Đồng	1.100.000 1.038.000 28.000 25.000 9.000
2	Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr.Đồng Tr.Đồng	275.000 275.000
3	Lợi nhuận sau thuế - Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr.Đồng Tr.Đồng	260.000 260.000
4	Các khoản nộp ngân sách nhà nước	Tr.Đồng	95.000
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.Đồng	503.000

Kế hoạch đầu tư

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý mạng lưới, vận hành, giám sát hoạt động sản xuất tại các nhà máy. Thực hiện từng bước tự động hóa trong sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động.

Tiếp tục tăng cường công tác phát triển khách hàng tại các khu vực Trảng Bom, Long Thành, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc và khu vực địa bàn 6 xã lên phường (Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, An Hòa, Phước Tân, Tam Phước).

Xây dựng bộ tiêu chuẩn hướng dẫn kỹ thuật thi công công trình cấp nước phù hợp với tình hình thực tế tổ chức thi công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để các đơn vị đều có thể dễ dàng áp dụng.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác chống thất thoát nước: Xác định rõ nguyên nhân thất thoát, có cách nhìn tổng quan để đưa ra giải pháp tổng thể để triển khai thực hiện. Tiếp tục thực hiện phân vùng để theo dõi giám sát, rà soát và cập nhật lại hệ thống theo từng phường, từng DMA thực hiện triệt để để có cơ sở quản lý và giảm tỷ lệ thất thoát nước trong các năm tới.

Tập trung rà soát, thực hiện các nội dung liên quan đến việc triển khai các dự án nâng công suất các Nhà máy hiện hữu nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn của Công ty.

Từng bước có kế hoạch đầu tư mở rộng hệ thống chuyển tải lớn có đường kính từ D800 đến hơn D1000 để mở rộng và nâng cao năng lực cấp nước sau khi nâng công suất các Nhà máy hiện hữu.

Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ các tuyến ống. Giám sát chặt chẽ việc quản lý hành lang tuyến ống của các đơn vị được giao quản lý đảm bảo cấp nước an toàn.

Đối với các dự án đầu tư:

* Đối với các dự án vốn ODA:

- Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 1): Tiếp tục làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện các bước tiếp theo để quyết toán dự án.

- Dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2): Tiếp tục thảo luận với Nhà thầu KUMHO về khoản còn lại của Hợp đồng Xây lắp; Yêu cầu Nhà thầu hoàn trả tiền cho Công ty theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

- Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2):

+ Tiếp tục phối hợp các Sở ngành và đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh Đồng Nai xử lý về việc xin dừng vốn vay ODA Nhật Bản cho dự án; Tiếp tục thảo luận, thống nhất với Tư vấn về các khoản thanh toán còn lại của Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn khi có chủ trương chính thức của Nhà nước về việc ngừng sử dụng vốn vay OD cho dự án.

+ Thực hiện điều chỉnh Dự án đầu tư theo hướng sử dụng nguồn vốn phù hợp để từng bước tiếp tục thực hiện dự án nhằm đảm bảo khả năng cung cấp nước trên toàn tỉnh Đồng Nai.

* Đối với các dự án vốn vay thương mại và vốn khác:

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án nhằm đảm bảo phát huy tối đa công suất cấp nước của các nhà máy, góp phần tăng doanh thu, chiếm lĩnh được thị trường, giảm áp lực cạnh tranh từ các nhà đầu tư khác đồng thời đảm bảo đúng các quy định, thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Về công tác cán bộ:

Tiếp tục thực hiện các biện pháp quản trị nguồn nhân lực, thực hiện luân chuyển cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ năng động có khả năng đáp ứng mọi yêu cầu công việc. Đẩy mạnh công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ, năng lực của CBCNV, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kế cận, quy hoạch.

Thực hiện luân chuyển, điều động cán bộ theo Kế hoạch góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tạo môi trường cho đội ngũ cán bộ được rèn luyện phát huy năng lực trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Công ty.

Tăng cường công tác tuyên truyền thông qua các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội về các nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các mặt hoạt động khác tạo sự đồng thuận, thấu hiểu và đoàn kết trong tập thể nhằm hoàn thành tốt mọi kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Luôn kết hợp thực hiện các nghiên cứu tác động môi trường trong giai đoạn lựa chọn, xây dựng và phát triển dự án.
- Tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ hệ thống tuyến ống và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sửa chữa, duy tu các sự cố hư hỏng xảy ra, nhằm hạn chế tình hình thất thoát nước.
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống máy móc để nâng cao tuổi thọ hoạt động của máy.
- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc lịch trực vận hành, trực xử nước đảm bảo chất lượng đúng quy trình kỹ thuật.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp vào sản xuất để vận hành nhà máy tối ưu nhất.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương

- Cam kết đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng, tăng cường tìm hiểu nhu cầu sử dụng nước sạch tại địa phương nhằm đảm bảo người dân được tiếp cận với nguồn nước chất lượng cao.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng để cập nhật tiêu chuẩn và quy chuẩn an toàn của nguồn nước.
- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật cho người lao động trong công ty, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân.
- Tiếp tục phát huy các hoạt động chăm sóc cộng đồng trong các năm trước.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Chăm lo đời sống vật chất tinh thần, tổ chức cho CB-CNV đi du lịch hàng năm. Quan tâm chăm sóc các trường hợp bị tai nạn, bị bệnh hiểm nghèo và có cuộc sống khó khăn.
- Công đoàn cơ sở đã tham gia cùng Ban điều hành thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động, như đóng BHXH, BHYT, BHTN, trả lương cho CNVC-LĐ đúng chế độ chính sách, phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm thu nhập ổn định.
- Công ty luôn thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tuỳ theo từng vị trí cụ thể mà công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song với đó cần phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí điều hành quan trọng, công ty đưa ra các yêu cầu tuyển dụng khá gắt gao, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.
- Công ty luôn xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng của từng ngành nghề hoạt động, trình độ, năng lực công việc của từng người và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	35
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	35
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	36



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022, Hội đồng quản trị đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành khắc phục khó khăn sau đại dịch, tập trung nỗ lực chủ động trong việc chỉ đạo, nâng cao khả năng thích ứng trong "trạng thái bình thường mới" phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Trong năm, thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã ký các Quyết định về việc thành lập các đoàn công tác của Công ty theo quyền của cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp để thực hiện việc tra cứu các hồ sơ sổ sách tại các Công ty con, Công ty liên kết nhằm đánh giá về hoạt động quản lý đầu tư, công tác quản lý, điều hành, việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của nhóm Người đại diện phần vốn tại các đơn vị trên. Qua báo cáo của đoàn công tác, HĐQT cũng đã xem xét có ý kiến đối với Nhóm người đại diện phần vốn tại các Công ty con Công ty liên kết để khắc phục những nội dung hạn chế, tồn tại được chỉ ra tại báo cáo. Hội đồng quản trị cũng ban hành Quyết định về việc thành lập Thành lập Tổ thẩm định thuộc HĐQT để thực hiện công tác thẩm định các dự án đầu tư có giá trị từ 15 tỷ đồng trở lên thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành rà soát thực hiện các nội dung liên quan đến tài liệu chuẩn bị cho họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và có ý kiến đối với các tài liệu báo cáo của nhóm người đại diện vốn về hồ sơ ĐHCĐ thường niên năm 2022 tại các Công ty con Công ty liên kết. Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2022 và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.

Hội đồng quản trị cũng đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty, Trưởng nhóm Người đại diện phần vốn Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết rà soát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022, đề ra một số định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 trình HĐQT Công xem xét.

Lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành trong việc lập các hồ sơ thủ tục chào bán quyền mua cổ phần phát hành thêm của Công ty CPCN Gia Tân.

Hội đồng quản trị cũng đảm bảo duy trì thực hiện tốt mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Đảng ủy bộ phận và Ban Giám đốc Công ty, kịp thời báo cáo Đảng ủy bộ phận về tình hình thực hiện các mặt công tác, công tác cán bộ, những chủ trương quan trọng của Công ty.

Nhìn chung, năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2022, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao công tác quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty, có những điều chỉnh và triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị để đảm bảo hoạt động ổn định của Công ty, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

* Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản của Ban Giám đốc Công ty trong năm 2022:

+ Về sản lượng nước sản xuất: đạt 137,5 triệu m³ (tăng 0,8% so với kế hoạch và tăng 0,7% so với năm 2021); Sản lượng ghi thu đạt 111,5 triệu m³ (tăng 0,9% so với kế hoạch và tăng 2,2% so với năm 2021).

+ Về tỷ lệ thất thoát nước:

Ban Giám đốc Công ty đã tập trung tăng cường triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể, đẩy mạnh thực hiện phân vùng tách mạng; nâng công suất NMN Biên Hòa, điều tiết lại mạng lưới, áp lực tăng sản lượng nước, tỷ lệ thất thoát trong năm 2022 ở mức 18,9%, giảm 0,1% so với kế hoạch và giảm 1,3% so với năm 2021) góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

+ Về Tổng doanh thu (loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá): đạt 1.109 tỷ đồng (tăng 7,16% so với kế hoạch và tăng 5,94% so với năm 2021);

+ Về Lợi nhuận trước thuế (loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá): đạt 277,8 tỷ đồng (tăng 15,75% so với kế hoạch và tăng 2,63% so với năm 2021);

+ Về Lợi nhuận sau thuế (loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá): đạt 263,7 tỷ đồng (tăng 15,67% so với kế hoạch và tăng 2,89% so với năm 2021);

+ Về các khoản nộp ngân sách đã thực hiện tốt theo kế hoạch đạt 103,5 tỷ đồng (vượt kế hoạch 15%)

+ Việc chi trả cổ tức cho cổ đông, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua.

+ Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Các dự án mở rộng mạng lưới thực hiện cơ bản theo kế hoạch, đáp ứng mục tiêu đã đề ra. Tuy nhiên, do một số dự án lớn còn vướng về thủ tục đất đai, chủ trương đầu tư dẫn đến kết quả thực hiện chưa đạt theo kế hoạch đề ra (đạt 31,3% so với kế hoạch).

Nhìn chung, Ban Giám đốc Công ty đã luôn nỗ lực, bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với sự nỗ lực và những kết quả đã đạt được trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục phát huy các mặt đã đạt được đồng thời xác định một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023 như sau:

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của Công ty theo đúng định hướng và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Luôn tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đề ra các giải pháp tích cực trong hoạch định chiến lược của Công ty.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành tiếp tục nâng cao năng lực quản lý, điều hành phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023; Tiếp tục tăng cường việc số hóa các hoạt động của Công ty; Nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong việc thực hiện quản lý mạng lưới cấp nước và giảm thiểu các thủ tục hành chính và thời gian cho khách hàng.

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành phối hợp với các đơn vị có liên quan để thực hiện các nội dung còn tồn đọng đối với các dự án vốn

ODA. Tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo theo kế hoạch, mở rộng mạng lưới cấp nước; rà soát đẩy nhanh việc triển khai các dự án mở rộng, nâng công suất tại các Nhà máy đã gần hết công suất; tăng cường thực hiện các giải pháp để giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan đến việc thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ quản lý, điều hành, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kế cận, quy hoạch.

Tăng cường công tác quản lý đối với người đại diện phần vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết trong việc đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy chế quản lý, đánh giá người đại diện phần vốn, đồng thời đảm bảo việc triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tại các Công ty con, Công ty liên kết theo đúng định hướng xây dựng và thực hiện các giải pháp để phấn đấu đạt các chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2023.





CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	36
Ban kiểm soát	41
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	43

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch	Đại diện: 12.000.000 Cá nhân: 0	Đại diện: 10% Cá nhân: 0%
2	Ông Nguyễn Văn Thiên	Phó Chủ tịch	Đại diện: 0 Cá nhân: 0	Đại diện: 0% Cá nhân: 0%
3	Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên	Đại diện: 30.000.000 Cá nhân: 0	Đại diện: 25% Cá nhân: 0%
4	Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên	Đại diện: 12.000.000 Cá nhân: 0	Đại diện: 10% Cá nhân: 0%
5	Ông Trần Trung Chiến	Thành viên	Đại diện: 0 Cá nhân: 0	Đại diện: 0% Cá nhân: 0%
6	Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Đại diện: 0 Cá nhân: 0	Đại diện: 0% Cá nhân: 0%
7	Ông Võ Văn Bình	Thành viên	Đại diện: 0 Cá nhân: 0	Đại diện: 0% Cá nhân: 0%

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đặng Văn Chất	06/06	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Thiên	06/06	100%	
3	Bà Phạm Thị Hồng	06/06	100%	
4	Ông Nguyễn Cao Hà	06/06	100%	
5	Ông Trần Trung Chiến	01/06	16,7%	Có đơn xin từ nhiệm chức TV.HĐQT và không tham gia các cuộc họp HĐQT kể từ ngày 20/5/2022
6	Ông Phạm Anh Tuấn	06/06	100%	
7	Ông Võ Văn Bình	06/06	100%	

Các tiểu ban thuộc HĐQT: Hiện tại công ty không thành lập các tiểu ban giúp việc

Đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty

Năm 2022, Hội đồng quản trị đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành khắc phục khó khăn sau đại dịch, tập trung nỗ lực chủ động trong việc chỉ đạo, nâng cao khả năng thích ứng trong “trạng thái bình thường mới” phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Trong năm, thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã ký các Quyết định về việc thành lập các đoàn công tác của Công ty theo quyền của cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp để thực hiện việc tra cứu các hồ sơ sổ sách tại các Công ty con, Công ty liên kết nhằm đánh giá về hoạt động quản lý đầu tư, công tác quản lý, điều hành, việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của nhóm Người đại diện phần vốn tại các đơn vị trên. Qua báo cáo của đoàn công tác, HĐQT cũng đã xem xét có ý kiến đối với Nhóm người đại diện phần vốn tại các Công ty con Công ty liên kết để khắc phục những nội dung hạn chế, tồn tại được chỉ ra tại báo cáo. Hội đồng quản trị cũng ban hành Quyết định về việc thành lập Thành lập Tổ thẩm định thuộc HĐQT để thực hiện công tác thẩm định các dự án đầu tư có giá trị từ 15 tỷ đồng trở lên thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành rà soát thực hiện các nội dung liên quan đến tài liệu chuẩn bị cho họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và có ý kiến đối với các tài liệu báo cáo của nhóm người đại diện vốn về hồ sơ ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 tại các Công ty con Công ty liên kết. Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.

Hội đồng quản trị cũng đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty, Trưởng nhóm Người đại diện phần vốn Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết rà soát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022, đề ra một số định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 trình HĐQT Công ty xem xét.

Lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành trong việc lập các hồ sơ thủ tục chào bán quyền mua cổ phần phát hành thêm của Công ty CPCN Gia Tân.

Hội đồng quản trị cũng đảm bảo duy trì thực hiện tốt mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Đảng ủy bộ phận và Ban Giám đốc Công ty, kịp thời báo cáo Đảng ủy bộ phận về tình hình thực hiện các mặt công tác, công tác cán bộ, những chủ trương quan trọng của Công ty.

Nhìn chung, năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.



Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và kịp thời chỉ đạo giải quyết các đề xuất của Ban điều hành liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, cơ cấu tổ chức... của Công ty.

Ban điều hành đảm bảo việc báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và chủ động đề xuất các giải pháp báo cáo HĐQT Công ty xem xét thảo luận để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các thủ tục để chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra và việc chi tạm ứng cổ tức năm 2022.

Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành trong việc tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư, mở rộng mạng lưới cấp nước theo kế hoạch năm 2022.

Giám sát việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành, việc báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đảm bảo theo đúng quy định.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành phối hợp chặt chẽ thực hiện đảm bảo mối quan hệ quản trị- điều hành theo đúng Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty.



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022

Các nghị quyết

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông quá	Ghi chú
1	02/NQ-HĐQT	15/01/2022	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2022 của Công ty	100%	
2	03/NQ-HĐQT	29/3/2022	Về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022		
3	03 ^A /NQ-HĐQT	29/3/2022	Nghị quyết kỳ họp lần thứ 12 của HĐQT Công ty		
4	04/NQ-HĐQT	08/4/2022	Về việc bổ sung nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022		
5	05/NQ-HĐQT	10/5/2022	Về việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần của Công ty CPCN Gia Tân		
6	06/NQ-HĐQT	10/5/2022	Về việc ký kết hợp đồng nguyên tắc thi công lắp đặt HTCN, đồng hồ nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với tổ chức có liên quan - Công ty CPCN Long Khánh		
7	07/NQ-HĐQT	10/5/2022	Về việc ký kết hợp đồng nguyên tắc thi công lắp đặt HTCN, đồng hồ nước trên địa bàn H. Long Thành, Đồng Nai với tổ chức có liên quan - Công ty CPCN Nhơn Trạch	100%	
8	08/NQ-HĐQT	25/2022	Về việc lập hồ sơ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm của Công ty CPCN Gia Tân.	66,7%	(4/6 TV.HĐQT) 02 phiếu không có ý kiến
9	09/NQ-HĐQT	01/6/2022	Về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	100%	
10	10/NQ-HĐQT	12/7/2022	Kỳ họp lần thứ 13 của HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, nhiệm kỳ 2020-2025	100%	

11	11/NQ-HĐQT	20/7/2022	Về việc ký kết hợp đồng nguyên tắc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với tổ chức có liên quan - Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	100%
12	11A/NQ-HĐQT	26/8/2022	Kỳ họp lần thứ 14 của HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, nhiệm kỳ 2020-2025	100%
13	12/NQ-HĐQT	31/8/2022	Về việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2021	100%
14	13/NQ-HĐQT	28/9/2022	Về việc thông qua chủ trương ký hợp đồng, giao dịch cung cấp sản phẩm nước uống tinh khiết Doriv đối với các tổ chức có liên quan	100%
15	14/NQ-HĐQT	4/10/2022	Về việc thông qua chủ trương lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại CNCN Thiện Tân và CNCN Nhơn Trạch	100%
16	15/NQ-HĐQT	4/11/2022	Kỳ họp lần thứ 15 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, nhiệm kỳ 2020-2025	100%
17	16/NQ-HĐQT	17/10/2022	Về việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2022	100%
18	17/NQ-HĐQT	3/11/2022	Về việc bàn giao Hệ thống cấp nước Trung tâm hành chính huyện Thống Nhất	100%
19	18/NQ-HĐQT	9/12/2022	Về việc thông qua chủ trương thực hiện ký kết hợp đồng giao dịch với tổ chức có liên quan	100%

Các Quyết định

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông quá	Ghi chú
1	01/QĐ-HĐQT	15/01/2022	Về việc chi lương cho Người quản lý, điều hành		
2	02/QĐ-HĐQT	18/01/2022	Về việc công nhận đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và công nhận danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" năm 2021 đối với các tập thể thuộc các Công ty con, Công ty liên kết.		
3	03/QĐ-HĐQT	18/01/2022	Về việc chi thưởng theo kết quả công việc năm 2021 cho người quản lý Công ty		

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông quá	Ghi chú
1	01/QĐ-HĐQT	15/01/2022	Về việc chi lương cho Người quản lý, điều hành		
2	02/QĐ-HĐQT	18/01/2022	Về việc công nhận đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và công nhận danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" năm 2021 đối với các tập thể thuộc các Công ty con, Công ty liên kết.		
3	03/QĐ-HĐQT	18/01/2022	Về việc chi thưởng theo kết quả công việc năm 2021 cho người quản lý Công ty		
4	04/QĐ-HĐQT	18/01/2022	Về việc chi tiền lương cho Người quản lý điều hành		
5	05/QĐ-HĐQT	20/01/2022	Về việc giao nhiệm vụ năm 2022 cho nhóm Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty Cổ phần Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp nước.		
6	06/QĐ-HĐQT	20/01/2022	Về việc giao nhiệm vụ năm 2022 cho nhóm Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty CPCN Long Khánh		
7	07/QĐ-HĐQT	20/01/2022	Về việc giao nhiệm vụ năm 2022 cho nhóm người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty Cổ phần Nhơn Trạch		
8	08/QĐ-HĐQT	20/01/2022	Về việc công nhận đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" năm 2021 đối với các cá nhân, tập thể thuộc các Công ty con, Công ty liên kết.		
9	09/QĐ-HĐQT	28/3/2022	Về việc chi tiền lương bổ sung cho Người quản lý điều hành		
10	10/QĐ-HĐQT	15/4/2022	Thành lập Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022		

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông quá	Ghi chú
11	10/QĐ-HĐQT	19/4/2022	Về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	85,7%	(6/7 TV.HĐQT) 01 phiếu không có ý kiến
12	11/QĐ-HĐQT	20/01/2022	Quyết định về việc thành lập đoàn công tác tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân		
13	12/QĐ-HĐQT	15/6/2022	Về việc chi tiền lương bổ sung cho Người quản lý chuyên trách.		
14	13/QĐ-HĐQT	23/6/2022	Quyết định về việc thành lập đoàn công tác tại Công ty CPCN Nhơn Trạch		
15	14/QĐ-HĐQT	23/6/2022	Quyết định về việc thành lập đoàn công tác tại Công ty CP Dịch vụ & Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
16	15/QĐ-HĐQT	7/7/2022	Chấp thuận cho Người lao động công tác tại Phòng tổ chức hành chính đi tham quan, du lịch Thái Lan		
17	16/QĐ-HĐQT	18/7/2022	Chấp thuận cho người lao động công tác tại Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch đi thăm thân nhân tại Canada		
18	17/QĐ-HĐQT	18/8/2022	Về việc chi tiền lương bổ sung cho Người quản lý chuyên trách		
19	18/QĐ-HĐQT	19/8/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định các dự án đầu tư thuộc Hội đồng quản trị công ty		
20	19/QĐ-HĐQT	21/9/2022	Chấp thuận cho cán bộ quản lý Công ty đi tham quan, du lịch Thái Lan		
21	20/QĐ-HĐQT	21/9/2022	Chấp thuận cho cán bộ quản lý Công ty đi tham quan, du lịch Thái Lan		
22	20/QĐ-HĐQT	26/9/2022	Về việc phân cấp ký duyệt hồ sơ dự án Đầu tư Xây dựng cơ bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị	100%	

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông quá	Ghi chú
23	21/QĐ-HĐQT	28/9/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Tuyển ống cấp nước cho khu công nghiệp Tân Đức, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	100%	(6/7 TV.HĐQT) 01 phiếu không có ý kiến
24	22/QĐ-HĐQT	30/9/2022	Về việc ban hành Quy chế Quản lý và đánh giá người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	100%	
25	23/QĐ-HĐQT	3/10/2022	Về việc phê duyệt Báo cáo phê duyệt nghiên cứu khả thi Dự án: Tuyển ống chuyển tải cấp nước cho 03 xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa - huyện Xuân Lộc	100%	
26	24/QĐ-HĐQT	12/10/2022	Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Tuyển ống chuyển tải và phân phối dọc Quốc lộ 1A từ Khu công nghiệp Bàu Xéo đến Ngã tư Dầu Giây	100%	
27	25/QĐ-HĐQT	14/10/2022	Chấp thuận cho cán bộ quản lý Công ty đi tham quan, du lịch Hàn Quốc		
28	26/QĐ-HĐQT	21/10/2022	Chấp thuận cho cán bộ quản lý Công ty đi tham quan, du lịch Singapore		
29	27/QĐ-HĐQT	24/10/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Lắp đặt tuyển ống cấp nước từ Trạm bơm Gia Ray đi trạm bơm Tâm Hưng Hòa	66,7%	(04/6 TV.HĐQT) 02 phiếu không có ý kiến
30	28/QĐ-HĐQT	27/10/2022	Về việc tuyển dụng và bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	100%	
31	29/QĐ-HĐQT	2/11/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế và tư vấn thẩm tra thiết kế: bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình Dự án: Tuyển ống chuyển tải cấp nước cho 3 xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa - huyện Xuân Lộc.	66,7%	(4/6 TV.HĐQT) 02 phiếu không có ý kiến

STT	Số HQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông quá	Ghi chú
32	30/QĐ-HĐQT	9/11/2022	Về việc chi tiền lương bổ sung cho Người quản lý chuyên trách		
33	31/QĐ-HĐQT	14/11/2022	Chấp nhận cho người lao động đi công tác tại Phòng tổ chức hành chính đi tham quan, du lịch Đài Loan		
34	32/QĐ-HĐQT	14/11/2022	Chấp nhận cho người lao động đi công tác tại Phòng tổ chức hành chính đi tham quan, du lịch Thái Lan		
35	33/QĐ-HĐQT	14/11/2022	Chấp nhận cho người lao động đi công tác tại Chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan, du lịch Đài Loan		
36	34/QĐ-HĐQT	14/11/2022	Chấp nhận cho người lao động đi công tác tại Phòng Quản lý chất lượng nước đi tham quan, du lịch Thái Lan		
37	35/QĐ-HĐQT	17/11/2022	Chấp nhận cho Người lao động đi công tác tại Chi nhánh Cấp nước Vĩnh An đi thăm thân nhân tại Mỹ		
38	36/QĐ-HĐQT	18/11/2022	Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE OD355 trên đường Võ Nguyên Giáp và tuyến ống phân phối OD160 cho P. Phước Tân, xã Bình Minh.	66,7%	(4/6 TV.HĐQT) 01 phiếu không có ý kiến; 01 phiếu không tán thành)
39	37/QĐ-HĐQT	18/11/2022	Về việc cử CBNV tham dự chương trình đào tạo tại Nhật Bản do Cục Cấp nước Osaka tổ chức.		
40	38/QĐ-HĐQT	23/11/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế và tư vấn thẩm tra thiết kế: bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình Dự án: Tuyến ống chuyển tải và phân phối dọc Quốc Lộ 1A từ KCN Bàu Xéo đến ngã tư Dầu Giây	66,7%	(4/6 TV.HĐQT) 02 phiếu không có ý kiến)

STT	Số HQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông quá	Ghi chú
41	39/QĐ-HĐQT	28/11/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế và tư vấn thẩm tra thiết kế: bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình Dự án: Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE OD355 trên đường Võ Nguyên Giáp và tuyến ống phân phối OD160 cho P. Phước Tân, xã Bình Minh.	66,7%	(4/6 TV.HĐQT) 01 phiếu không có ý kiến; 01 phiếu không tán thành)
42	40/QĐ-HĐQT	28/11/2022	Về việc kiện toàn Hội đồng Thi đua khen thưởng Công ty.		
43	41/QĐ-HĐQT	28/11/2022	Về việc kiện toàn Hội đồng Thẩm định sáng kiến của Công ty.		
44	42/QĐ-HĐQT	15/12/2022	Về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Hệ thống cấp nước xã An Phước, huyện Long Thành.	83,3%	(5/6 TV.HĐQT) 01 phiếu không có ý kiến)
45	43/QĐ-HĐQT	27/12/2022	Về việc chi tiền lương Người quản lý điều hành		
46	44/QĐ-HĐQT	29/12/2022	Về việc hủy bỏ Quyết định bổ nhiệm cán bộ (hủy bỏ QĐ số 12/QĐ-HĐQT ngày 14/4/2016 của HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 V/v bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Vũ Hoài Nam		
47	45/QĐ-HĐQT	30/12/2022	Về việc công nhận đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và Danh hiệu năm 2022 đối với cá nhân, tập thể thuộc các Công ty thành viên.		

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV.BKS	Trình độ
1	Ông Nguyễn Công Hiếu	Trưởng Ban	19/4/2022	Cử nhân Kế toán Th.s Quản trị kinh doanh
2	Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng Ban	19/4/2022	Cử nhân Tài chính - Kế toán Th.s Quản trị kinh doanh
3	Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên	17/4/2020	Kỹ sư xây dựng
4	Bà Tăng Tố Vân	Thành viên	17/4/2020	Cử nhân kinh tế

Các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Công Hiếu	01/03	33,3%	Miễn nhiệm từ ngày 19/4/2022
2	Bà Lê Thị Ngọc Sáu	02/03	66,7%	Tham gia TV.BKS từ ngày 19/4/2022
3	Ông Nguyễn An Quốc	03/03	100%	
4	Bà Tăng Tố Vân	03/03	100%	

Đối với việc giám sát hoạt động của HĐQT

- Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên, từ ngày 20/5/2022 HĐQT còn 06 thành viên (Ông Trần Trung Chiến xin từ nhiệm thành viên HĐQT để tập trung vào công tác chuyên môn), trong đó 03 thành viên kiêm nhiệm trong ban điều hành Công ty. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật, điều lệ, các quy chế của Công ty và sự phân công công việc cho từng thành viên HĐQT

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ. Thường xuyên giám sát hoạt động của ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định theo đúng định hướng, chiến lược phát triển của Công ty. Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên của HĐQT (hoặc người được ủy quyền dự họp) và có biên bản họp sau khi kết thúc.

- HĐQT đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Đối với việc giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc gồm 4 thành viên (trong đó, ông Nguyễn Quang Minh được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty từ ngày 01/11/2022) mỗi thành viên đều phát huy vai trò trách nhiệm của mình trong công việc.

- Ban giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; thực hiện việc quản lý, điều hành một cách hợp lý và phù hợp các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

- Ban giám đốc đã thực hiện những chính sách, định hướng giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Định kỳ hàng tháng Ban Giám đốc đều tổ chức họp giao ban với thành phần gồm trưởng/phó phòng ban tại Công ty, giám đốc các chi nhánh trực thuộc nhằm nắm bắt tình hình hoạt động của từng đơn vị.

- Việc trích lập và phân phối quỹ tiền lương của người lao động năm 2022 đã được thực hiện đúng theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH. Thu nhập của người lao động luôn được đảm bảo.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý và cổ đông

- HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty và theo các quy định Công ty.

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, họp giao ban hàng tháng nhằm nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty cũng như các quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc giúp cho công tác giám sát thuận tiện hơn.

- Ban Kiểm soát đã tham gia phối hợp góp ý việc ban hành các quy chế, quy trình của Công ty và các công việc khác khi có yêu cầu.

- Các đơn vị, bộ phận đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ giúp Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

- Đối với cổ đông: Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị			319.600.000	624.000.000	943.600.000
1	Đặng Văn Chất	CT. HĐQT	-	53.200.000	96.000.000	149.200.000
2	Nguyễn Văn Thiên	PCT. HĐQT	-	40.000.000	96.000.000	136.000.000
3	Phạm Thị Hồng	TV.HĐQT	-	53.200.000	96.000.000	149.200.000
4	Nguyễn Cao Hà	TV.HĐQT	-	53.200.000	96.000.000	149.200.000
5	Võ Văn Bình	TV.HĐQT	-	40.000.000	96.000.000	136.000.000
6	Trần Trung Chiến	TV.HĐQT	-	40.000.000	48.000.000	88.000.000
7	Phạm Anh Tuấn	TV.HĐQT	-	40.000.000	96.000.000	136.000.000
II	Ban Giám đốc		3.867.200.500			3.867.200.500
1	Phạm Thị Hồng	Giám đốc	1.443.728.000	-	-	1.443.728.000
2	Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc	1.165.944.500	-	-	1.165.944.500
3	Nguyễn Cao Hà	Phó Giám đốc	1.169.088.000	-	-	1.169.088.000
4	Nguyễn Quang Minh		88.440.000	-	-	88.440.000
III	Người quản lý khác		970.010.000	32.550.000		1.002.560.000
1	Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	970.010.000	32.550.000	-	1.002.560.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
1	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (SZL)	Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT, Tổng Giám đốc tại SZL	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	64,4 tỷ đồng
2	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (SZB)	Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZB Tổ chức có Ông Nguyễn Công Hiếu - TV.BKS Công ty đồng thời là TV.BKS tại SZB (tính đến 19/4/2022)	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	52,3 tỷ đồng
3	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền (SZG)	Tổ chức có Ông Đặng Văn Chất - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZG	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	21,1 tỷ đồng
4	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (SZC)	Tổ chức có Ông Trần Trung Chiến và Ông Phạm Anh Tuấn -TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZC	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch)	14,1 triệu đồng
5	Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (SZT)	Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZT	Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv)	12 triệu đồng

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời gian giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Sonadezi	Công ty mẹ	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 15,6 triệu đồng
2	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv) - Tổng giá trị giao dịch: 64,4 tỷ đồng
3	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT và BKS	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 52,3 tỷ đồng
4	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 21,1 tỷ đồng
5	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). - Tổng giá trị giao dịch: 14,1 triệu đồng
6	Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 12 triệu đồng
7	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty con	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (bán nước sạch qua đồng hồ tổng và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 59,6 tỷ đồng
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ & XDCN Đồng Nai	Công ty liên kết	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv, chuyển nhượng điện, vật tư.) - Tổng giá trị giao dịch: 131,1 triệu đồng. - Mua hàng hóa dịch vụ: Thi công lắp đặt TOCN - Tổng giá trị giao dịch: 7,8 tỷ đồng
9	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Công ty con	Năm 2022	- Mua hàng hóa dịch vụ: Thi công lắp đặt TOCN - Tổng giá trị giao dịch: 173,7 triệu đồng
10	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 176,8 triệu đồng - Mua hàng hóa, dịch vụ: Thi công xây dựng đợt 1 và đợt 2 (H.đồng 60/HĐ-CN ngày 9/8/2021) thuộc DA: TOCN tại các đường hẻm xã Phú Vinh, H.Định Quán - Tổng giá trị giao dịch: 7,6 tỷ đồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời gian giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv) - Tổng giá trị giao dịch: 37,7 triệu đồng
12	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 844,3 triệu đồng - Mua hàng hóa, dịch vụ: Thuê dịch vụ vận chuyển xử lý rác thải; chăm sóc cây kiếng. - Tổng giá trị giao dịch: 189,2 triệu đồng
13	Trường Cao đẳng CN&QT Sonadezi	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 12,5 triệu đồng - Mua dịch vụ: khóa học Quản trị Công ty. - Tổng giá trị giao dịch: 05 triệu đồng
14	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị CN số 2	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). - Tổng giá trị giao dịch: 618,5 triệu đồng
15	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 510,7 triệu đồng
16	Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 108,5 triệu đồng
17	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Vật liệu Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). - Tổng giá trị giao dịch: 115,3 triệu đồng
18	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 70,3 triệu đồng
19	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). - Tổng giá trị giao dịch: 25,2 triệu đồng. - Mua hàng hóa, dịch vụ: Thuê dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. - Tổng giá trị giao dịch: 14,9 triệu đồng



CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259296, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 26 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : +84 (0251) 384 3316
- Fax : +84 (0251) 384 7149

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Quản lý ghi thu	48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Biên Hòa	48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Long Bình	Tổ 8, Khu phố 9, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân	329 đường Nhà máy nước Thiện Tân, Tổ 2, Khu phố 10, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Nhơn Trạch	327 đường Nhà máy nước Thiện Tân, Tổ 2, Khu phố 10, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Vĩnh An	Tổ 1, Khu phố 1, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc	Tổ 1, Khu 7, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Tân Định	775 Quốc lộ 20, Khu 7, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Thạnh Phú	119 ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Long Thành	113 Lê Duẩn, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
- Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15 mm đến 100 mm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng-công nghiệp; Lập hồ sơ môi trường; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Thẩm định hồ sơ môi trường và dự toán - tổng dự toán; Thẩm định kết quả đấu thầu;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Điều hành tour du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);



- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình dân dụng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thiện	Phó Chủ tịch
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Ông Trần Trung Chiến	Thành viên (đã có đơn xin miễn nhiệm thành viên HĐQT kể từ ngày 20/5/2022)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng ban (bỏ nhiệm kể từ ngày 19/4/2022)
Ông Nguyễn Công Hiếu	Trưởng ban (miễn nhiệm kể từ ngày 19/4/2022)
Bà Tăng Tố Văn	Thành viên
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc
Ông Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm kể từ ngày 01/11/2022)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Hồng – Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2023

Số: 1.0537/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1
Người được ủy quyền

Nguyễn Hoàng Yến
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		641.171.344.903	710.119.791.548
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	56.318.218.540	254.191.905.361
1. Tiền	111		48.297.259.636	81.191.905.361
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.020.958.904	173.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		474.433.646.669	316.608.705.892
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	474.433.646.669	316.608.705.892
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.687.046.723	83.568.296.375
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.950.152.333	59.313.779.729
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.439.535.234	16.764.695.375
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	14.773.867.719	10.790.772.934
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.476.508.563)	(3.300.951.663)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		45.030.807.050	51.142.832.910
1. Hàng tồn kho	141	V.7	45.030.807.050	51.142.832.910
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.701.625.921	4.608.051.010
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	203.810.833	297.634.387
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.326.320.418	3.735.396.590
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	171.494.670	575.020.033
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.894.399.988.690	3.061.193.420.475
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.687.971.748.859	2.846.745.415.304
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.396.250.012.319	2.547.513.875.598
- Nguyên giá	222		5.149.107.569.310	4.988.797.536.485
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.752.857.556.991)	(2.441.283.660.887)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	291.721.736.540	299.231.539.706
- Nguyên giá	228		356.533.750.291	356.533.750.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.812.013.751)	(57.302.210.585)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	821.965.649	872.756.069
- Nguyên giá	231		1.269.760.507	1.269.760.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(447.794.858)	(397.004.438)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		150.250.072.811	155.086.316.974
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	150.250.072.811	155.086.316.974
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		49.830.821.340	50.450.184.157
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	46.761.098.850	47.380.461.667
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	3.069.722.490	3.069.722.490
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.525.380.031	8.038.747.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.525.380.031	8.038.747.971
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.535.571.333.593	3.771.313.212.023

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

7

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.336.524.650.222	1.726.711.778.809
I. Nợ ngắn hạn	310		456.254.208.597	599.829.014.414
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	65.573.945.826	57.659.525.874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14a	12.192.826.898	12.472.716.071
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	11.705.334.118	20.070.910.927
4. Phải trả người lao động	314	V.16	43.841.188.167	62.789.242.522
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	14.057.995.097	13.038.903.023
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	11.955.335.381	11.893.758.223
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	249.751.593.647	391.763.636.204
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	-	940.190.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	47.175.989.463	29.200.131.570
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		880.270.441.625	1.126.882.764.395
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.14b	6.669.755.089	6.669.755.089
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	1.922.250.000	2.888.609.664
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	871.678.436.536	1.117.324.399.642
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI


Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.199.046.683.371	2.044.601.433.214
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.199.046.683.371	2.044.601.433.214
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	118.520.157.819	118.520.157.819
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22	26.218.693.500	26.218.693.500
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.22	(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	162.805.945.789	121.215.711.275
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	640.762.086.408	531.421.429.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		312.179.242.178	531.421.429.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		328.582.844.230	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	114.975.565.955	111.461.206.962
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.535.571.333.593	3.771.313.212.023



Trần Hoàng Anh Phương
Người lập



Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng


Ngày 21 tháng 3 năm 2023
Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.216.614.972.251	1.155.796.335.808
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.955.700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.216.614.972.251	1.155.791.380.108
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	776.510.993.175	699.335.700.058
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		440.103.979.076	456.455.680.050
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	137.019.344.341	144.622.353.767
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	38.252.495.354	44.502.854.963
Trong đó: chi phí lãi vay	23		37.485.609.881	44.481.599.712
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	(5.603.062.817)	(4.913.370.489)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	68.303.989.402	65.699.974.682
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	66.583.115.974	62.355.070.919
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		398.380.659.870	423.606.762.764
12. Thu nhập khác	31	VI.7	7.490.756.179	11.107.770.463
13. Chi phí khác	32	VI.8	4.212.768.648	3.653.280.494
14. Lợi nhuận khác	40		3.277.987.531	7.454.489.969
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		401.658.647.401	431.061.252.733
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	23.160.874.609	24.329.923.446
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	19.874.063
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		378.497.772.792	406.711.455.224
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		366.021.760.068	391.587.102.835
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		12.476.012.724	15.124.352.389
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.745	3.095
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	2.745	3.095

Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		401.658.647.401	431.061.252.733
2. Điều chỉnh cho các khoản:		V.9;		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; V.11	321.031.435.017	276.254.122.605
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.20	(764.633.100)	1.617.935.379
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(109.593.872.630)	(126.494.266.726)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b; VI.3; VI.8	(20.231.835.215)	(10.464.067.008)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	37.485.609.881	44.481.599.712
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		629.585.351.354	616.456.376.695
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.147.352.921	(6.250.173.275)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.112.025.860	(12.713.077.338)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(22.107.144.856)	2.748.481.298
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.607.191.494	13.855.359.545
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17; VI.4	(39.472.009.535)	(47.032.625.120)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(24.321.557.110)	(7.804.205.840)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21	21.605.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21; V.22a	(18.553.256.182)	(12.576.045.657)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		552.019.558.946	546.684.290.308
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4; V.9	(143.869.558.288)	(94.471.318.669)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9; VI.8	2.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(608.000.000.000)	(285.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	450.500.000.000	39.546.378.100
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(6.250.000.000)	(18.750.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2a; V.5; VI.3	22.221.508.282	13.887.553.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(285.395.322.753)	(345.287.387.368)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	300.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	324.275.680.369	426.978.136.389
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(601.297.529.978)	(656.088.722.157)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18a, V.22	(187.476.073.425)	(127.349.859.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(464.497.923.034)	(56.460.444.878)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(197.873.686.821)	144.936.458.062
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	254.191.905.361	109.266.207.775
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(10.760.476)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	56.318.218.540	254.191.905.361

Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Trần Hoàng Anh Phương
Người lậpNguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng
Phạm Thị Hồng
Giám đốc**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tài cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết			
			Tỷ lệ lợi ích cuối năm	Số cuối năm	Tỷ lệ quyền biểu quyết cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch	52,44%	52,44%	52,44%	52,44%
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	52 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Khai thác nước phục vụ công nghiệp; Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (*)	Đường Gia Tân 1, ấp Đốc Mơ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch	14,93%	25,00%	14,93%	25,00%

(*) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân ít hơn 20% nhưng Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể thông qua quyền được bổ nhiệm 02 trong số 05 thành viên Hội đồng quản trị của công ty này. Do vậy khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.031 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.043 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

14

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

15

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tiền thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

18

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng

Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 03 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 – 40

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 20 – 49 năm.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

19

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 – 10 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của nhà xưởng là 25 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phân ảnh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tập đoàn. Chênh lệch đánh giá lại tài sản này không phản ánh số chênh lệch đánh giá lại khi đưa tài sản đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác hoặc thay đổi hình thức sở hữu.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

22

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt đầu sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

23

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phân ảnh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

24

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	363.952.338	428.331.106
Tiền gửi ngân hàng	47.933.307.298	80.763.574.255
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	8.020.958.904	173.000.000.000
Cộng	56.318.218.540	254.191.905.361

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc trong năm là 324.940.777 VND.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	7.800.368.003	10.437.937.515	18.238.305.518	7.800.368.003	8.681.645.812	16.482.013.815
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (6)	50.000.000.000	(21.477.206.668)	28.522.793.332	43.750.000.000	(12.851.552.148)	30.898.447.852
Cộng	57.800.368.003	(11.039.269.153)	46.761.098.850	51.550.368.003	(4.169.906.336)	47.380.461.667

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

25

Nước sạch cho cuộc sống xanh!

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

59

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 6) Trong năm Tập đoàn đã mua thêm 625.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân với giá mua là 6.250.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 5.000.000 cổ phiếu, tương đương 14,93% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (số đầu năm là 4.375.000 cổ phiếu, tương đương 25% vốn điều lệ). Tuy nhiên, đến thời điểm cuối năm tài chính Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân chưa thực hiện thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính là 335.000.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phần tài hoặc lỗ trong năm	Cổ tức được chia trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	16.482.013.815	-	3.022.591.703	(1.266.300.000)	18.238.305.518
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	30.898.447.852	6.250.000.000	(8.625.654.520)	-	28.522.793.332
Cộng	47.380.461.667	6.250.000.000	(5.603.062.817)	(1.266.300.000)	46.761.098.850

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	1.090.900
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.107.471	323.245.356
Chi phí dịch vụ	7.875.683.933	2.773.868.712
Cổ tức được chia	1.266.300.000	1.013.040.000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.039.722.490	-	2.489.262.000	1.039.722.490
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	2.030.000.000	-	3.000.000.000	2.030.000.000
Cộng	3.069.722.490	-	5.489.262.000	3.069.722.490

Giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

26

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	404.042.131	829.895.995
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	390.844.304	293.508.224
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	5.422.250	505.523.278
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	3.385.600	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	2.354.625	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	1.336.300	185.150
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	699.052	-
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình	-	20.898.942
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	4.600.035
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-	2.879.976
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-	1.199.990
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-	1.100.000
Phải thu các khách hàng khác	45.546.110.202	58.483.884.134
Cộng	45.950.152.333	59.313.779.729

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	798.699.757
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	798.699.757
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	4.439.535.234	15.965.995.618
Công ty Cổ phần Xây dựng Vận Tải 68	1.045.265.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Thiết bị Ngành nước	-	4.973.677.900
Công ty Cổ phần Khoan và Xây lắp Cấp thoát nước	-	4.651.582.585
Công ty TNHH Kỹ thuật Dohwa	-	2.031.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.394.270.234	4.309.735.133
Cộng	4.439.535.234	16.764.695.375

Số dư khoản trả trước cho người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản là 3.210.406.561 VND (số đầu năm là 12.145.880.806 VND).

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1	4.016.570.551	-	4.016.570.551	-
Tạm ứng	1.394.570.280	-	959.919.368	-
Các khoản bảo hiểm bắt buộc trích theo lương	1.117.838.245	-	992.926.532	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	6.548.932.115	-	3.250.699.236	-
Khoản đặt cọc ngắn hạn	315.000.000	-	240.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.380.956.528	-	1.330.657.247	-
Cộng	14.773.867.719	-	10.790.772.934	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

27

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Tập đoàn có các khoản nợ xấu của các khách hàng nợ tiền nước và nợ khác với thời gian quá hạn từ 06 tháng trở lên với tổng giá trị các khoản nợ xấu là 4.616.405.175 VND (số đầu năm là 4.839.503.314 VND).

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.300.951.663)	(2.623.206.284)
Trích lập dự phòng bổ sung	(175.556.900)	(677.745.379)
Số cuối năm	(3.476.508.563)	(3.300.951.663)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.408.163.837	-	40.494.523.187	-
Công cụ, dụng cụ	161.558.172	-	164.873.400	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.420.826.522	-	10.324.704.153	-
Hàng hóa	40.258.519	-	158.732.170	-
Cộng	45.030.807.050	-	51.142.832.910	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.091.663	72.095.998
Chi phí bảo hiểm	182.977.955	-
Chi phí sửa chữa	18.741.215	225.538.389
Cộng	203.810.833	297.634.387

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	4.377.259.003	6.262.098.633
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng	-	142.335.387
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.148.121.028	1.634.313.951
Cộng	5.525.380.031	8.038.747.971

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	999.438.412.799	1.166.936.485.308	2.762.859.468.738	51.662.654.592	7.900.515.048	4.988.797.536.485
Mua trong năm	-	1.625.092.906	-	-	-	1.625.092.906
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.292.727	17.735.706.352	142.852.397.346	-	-	160.594.396.425
Thanh lý	(1.353.148.362)	(496.998.744)	-	(59.309.400)	-	(1.909.456.506)
Số cuối năm	998.091.557.164	1.185.800.285.822	2.905.711.866.084	51.603.345.192	7.900.515.048	5.149.107.569.310
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	288.400.751.571	324.839.061.619	271.827.775.913	8.559.397.192	6.478.606.270	900.105.592.565
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	512.829.322.756	711.949.813.932	1.162.131.252.749	47.446.864.711	6.926.406.739	2.441.283.660.887
Khấu hao trong năm	39.722.422.843	108.776.113.654	161.417.801.656	3.243.025.813	311.477.465	313.470.841.431
Thanh lý	(1.353.148.362)	(484.487.565)	-	(59.309.400)	-	(1.896.945.327)
Số cuối năm	551.198.597.237	820.241.440.021	1.323.549.054.405	50.630.581.124	7.237.884.204	2.752.857.556.991

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	486.609.090.043	454.986.671.376	1.600.728.215.989	4.215.789.881	974.108.309	2.547.513.875.598
Số cuối năm	446.892.959.927	365.558.845.801	1.582.162.811.679	972.764.068	662.630.844	2.396.250.012.319
Trong đó:						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 903.603.108.181 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (xem thuyết minh số V.19).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí quy hoạch bản đồ	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
	Nguyên giá			
Số đầu năm	350.929.202.176	2.814.843.027	2.789.705.088	356.533.750.291
Số cuối năm	350.929.202.176	2.814.843.027	2.789.705.088	356.533.750.291

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	150.000.000	1.274.564.000	2.029.705.088	3.454.269.088
---------------------------------------	-------------	---------------	---------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	53.168.912.684	1.772.087.913	2.361.209.988	57.302.210.585
Khấu hao trong năm	7.255.724.676	61.611.160	192.467.330	7.509.803.166
Số cuối năm	60.424.637.360	1.833.699.073	2.553.677.318	64.812.013.751

Giá trị còn lại

Số đầu năm	297.760.289.492	1.042.755.114	428.495.100	299.231.539.706
Số cuối năm	290.504.564.816	981.143.954	236.027.770	291.721.736.540

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 283.675.926.672 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.19b).

11. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.269.760.507	397.004.438	872.756.069
Khấu hao trong năm	-	50.790.420	-
Số cuối năm	1.269.760.507	447.794.858	821.965.649

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà máy nước đồng chai tinh khiết	1.184.375.308	418.479.301	765.896.007
Kho tại giếng số 7	85.385.199	29.315.557	56.069.642
Cộng	1.269.760.507	447.794.858	821.965.649

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm		Chi phí phát sinh trong năm		Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.902.563		3.880.556		-		5.783.119
Xây dựng cơ bản dở dang	149.759.821.229		143.311.597.119		(145.923.115.689)	(197.362.506)	146.950.940.153
• Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 1	21.018.104.772		-		-	-	21.018.104.772
• Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 2	84.618.630.637		1.695.092.313		-	-	86.313.722.950
• Dự án TOCN HDPE D300 từ ngã tư Vũng Tàu về Biên Hòa	16.617.077.199		2.329.406.592		(18.946.483.791)	-	-
• Dự án Thiện Tâm giai đoạn 2	15.217.210.954		5.273.307.461		-	-	20.490.518.415
• Các dự án khác	12.288.797.667		134.013.790.753		(126.976.631.898)	(197.362.506)	19.128.594.016
Sửa chữa lớn tài sản cố định	5.324.593.182		12.821.823.056		(14.671.280.736)	(181.785.963)	3.293.349.539
Cộng	155.086.316.974		156.137.300.731		(160.594.396.425)	(379.148.469)	150.250.072.811

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	7.944.708.684	9.576.476.681
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	7.565.066.683	4.791.468.554
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	322.212.001	1.148.590.873
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	57.430.000	3.615.923.254
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-	20.494.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	57.629.237.142	48.083.049.193
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ cao HTC	7.730.352.015	-
Công ty Cổ phần DNP Holding	6.859.708.901	8.618.353.106
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ – Kỹ thuật Đức Hùng	5.549.554.477	-
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	5.440.907.700	5.551.572.400
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	4.083.561.011	6.200.620.099
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	3.044.766.840	2.034.143.056
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 4	1.683.821.739	6.597.303.264
Các nhà cung cấp khác	23.236.564.459	19.081.057.268
Cộng	65.573.945.826	57.659.525.874

Số dư khoản phải trả người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản là 23.779.025.953 VND (số đầu năm là 19.200.813.318 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước

14a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	-	19.386.802
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	-	19.386.802
Trả trước của các khách hàng khác	12.192.826.898	12.453.329.269
Cộng	12.192.826.898	12.472.716.071

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14b. Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	2.000.000.000	2.000.000.000
Trả trước của khách hàng khác	4.669.755.089	4.669.755.089
Công ty Cổ phần Đô thị Amata Long Thành	4.669.755.089	4.669.755.089
Cộng	6.669.755.089	6.669.755.089

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	302.797.115	-	25.594.153.984	(26.068.445.769)	-	171.494.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.306.884.687	575.020.033	23.160.874.609	(24.321.557.110)	6.571.182.153	-
Thuế thu nhập cá nhân	748.567.409	-	2.886.077.079	(3.497.917.584)	136.726.904	-
Thuế tài nguyên	778.050.273	-	9.495.376.127	(9.512.997.582)	760.428.818	-
Thuế nhà đất	433.418.091	-	514.817.831	(947.021.975)	1.213.947	-
Tiền thuế đất	5.649.199.823	-	481.013.328	(6.130.213.151)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.851.993.529	-	54.841.372.988	(54.457.584.221)	4.235.782.296	-
Cộng	20.070.910.927	575.020.033	116.984.685.946	(124.946.737.392)	11.705.334.118	171.494.670

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lắp đặt công trình từ nguồn kinh phí cộng đồng Không chịu thuế
- Dịch vụ cấp nước cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất 0%
- Dịch vụ cấp nước cho các đối tượng khác 5%
- Các dịch vụ khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn xác định thuộc đối tượng hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hóa theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp Tập đoàn chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo lĩnh vực ưu đãi thuế. Do đó Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với hoạt động được hưởng ưu đãi. Thu nhập từ các hoạt động khác Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	19.555.522.265	20.690.268.658
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	2.204.481.313	2.054.137.297
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	1.400.871.031	1.585.517.491
Cộng	23.160.874.609	24.329.923.446

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác tài nguyên nước với mức thuế suất 1% trên sản lượng khai thác nước mặt và thuế suất 5% trên sản lượng khai thác nước ngầm. Giá tính thuế theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	6.465.839.231	8.452.238.885
Chi phí lắp đặt	3.094.602.823	2.525.709.329
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.497.553.043	2.060.954.809
Cộng	14.057.995.097	13.038.903.023

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan – Cục vô bình nước Doriv	12.030.000	5.970.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	11.942.405.381	11.887.788.223
Phí bảo vệ môi trường	3.433.861.796	3.316.624.286
Phải trả tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng	2.034.416.320	2.034.416.320
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.618.510.610	1.627.396.022
Kinh phí công đoàn	1.488.670.812	1.488.685.772
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	531.513.925	462.573.790
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.836.331.918	2.958.092.033
Cộng	11.955.335.381	11.893.758.223

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Di dời trạm bơm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	17.250.000	983.609.664
Cộng	1.922.250.000	2.888.609.664

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

32

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Vay****19a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	42.035.880.515	181.159.896.810
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱ⁾	24.434.136.561	127.968.836.983
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	17.601.743.954	53.191.059.827
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	207.715.713.132	210.603.739.394
Cộng	249.751.593.647	391.763.636.204

⁽ⁱ⁾ Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	181.159.896.810	259.546.583.142	-	(398.670.599.437)	-	42.035.880.515
Vay dài hạn đến hạn trả	210.603.739.394	-	196.860.371.688	(198.668.830.036)	(1.079.567.914)	207.715.713.132
Cộng	391.763.636.204	259.546.583.142	196.860.371.688	(597.339.429.473)	(1.079.567.914)	249.751.593.647

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱ⁾	670.110.748.522	917.460.702.255
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	102.356.284.896	98.103.236.896
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	54.647.279.940	73.157.377.104
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ^(iv)	42.706.687.412	28.603.083.387
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	1.857.435.766	-
Cộng	871.678.436.536	1.117.324.399.642

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 18 – 25 năm, thời gian ân hạn từ 05 – 08 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

33

Nước sạch cho cuộc sống xanh!

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 – 10 năm, thời gian ân hạn từ 03 – 24 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh để đầu tư dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 25 năm, thời gian ân hạn 07 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.
- (iv) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để thanh toán các chi phí và giải ngân hoàn vốn để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	207.715.713.132	210.603.739.394
Trên 01 năm đến 05 năm	714.640.413.227	840.164.333.371
Trên 05 năm	157.038.023.309	277.160.066.271
Cộng	1.079.394.149.668	1.327.928.139.036

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	1.117.324.399.642
Số tiền vay phát sinh	64.729.097.227
Số tiền vay đã trả	(3.958.100.505)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(196.860.371.688)
Chênh lệch tỷ giá	(109.556.588.140)
Số cuối năm	871.678.436.536

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản cố định. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	940.190.000	-
Tăng do trích lập	12.000.000.000	940.190.000
Sử dụng trong năm	(12.940.190.000)	-
Số cuối năm	-	940.190.000

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	29.200.131.570	17.964.101.720
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	28.619.449.211	23.567.512.159
Tăng khác	21.605.000	-
Chi quỹ	(10.665.196.318)	(12.331.482.309)
Số cuối năm	47.175.989.463	29.200.131.570

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

34

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại Phụ lục đính kèm.

22b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ 2022 ngày 19 tháng 4 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 144.000.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 37.943.105.314
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý, điều hành	: 25.689.403.542

Ngoài ra, Công ty mẹ cũng tạm ứng cổ tức năm 2022 cho các cổ đông với số tiền 36.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 10 năm 2022.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 23.098,63 USD (số đầu năm là 23.098,63 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước	1.156.044.217.946	1.111.644.878.409
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	57.127.213.028	39.064.942.943
Doanh thu bán nước tinh khiết	3.012.510.237	4.694.668.056
Doanh thu khác	431.031.040	391.846.400
Cộng	1.216.614.972.251	1.155.796.335.808

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

35

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	64.356.752.175	68.188.490.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	52.336.227.795	51.213.223.056
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	21.062.064.710	22.788.530.750
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	844.300.354	1.006.202.400
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	618.483.700	604.071.700
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	510.705.275	655.741.940
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	292.861.024	306.379.602
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	115.287.500	140.357.500
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	108.518.775	526.225.505
Công ty Cổ phần Son Đồng Nai	70.287.058	81.075.057
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	37.758.955	40.161.580
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	25.173.500	31.418.000
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	15.581.692	53.636.050
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	14.076.000	8.699.270
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	11.945.425	5.945.430
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	12.481.825	5.272.750

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước	724.269.625.103	664.814.759.924
Giá vốn của dịch vụ lắp đặt	49.899.047.815	30.951.498.457
Giá vốn nước tinh khiết	2.232.523.149	3.459.644.569
Giá vốn khác	109.797.108	109.797.108
Cộng	776.510.993.175	699.335.700.058

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	25.550.538.308	15.082.427.497
Cổ tức, lợi nhuận được chia	294.143.630	295.010.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.580.789.773	2.750.649.544
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	109.593.872.630	126.494.266.726
Cộng	137.019.344.341	144.622.353.767

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	37.485.609.881	44.481.599.712
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	766.885.473	21.255.251
Cộng	38.252.495.354	44.502.854.963

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

36

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	32.496.855.493	34.445.124.448
Chi phí vật liệu, bao bì	21.214.993.815	16.900.833.038
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	958.741.009	965.712.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.151.605.533	819.110.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.604.737.353	4.675.590.438
Các chi phí khác	7.877.056.199	7.893.603.598
Cộng	68.303.989.402	65.699.974.682

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	44.085.841.847	42.953.304.855
Chi phí vật liệu quản lý	1.163.977.481	1.093.911.280
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.715.605.923	1.459.117.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.344.763.749	3.646.124.877
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	175.556.900	19.219.854
Thuế, phí và lệ phí	17.517.189	677.745.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.829.039.365	1.630.807.855
Các chi phí khác	12.250.813.520	10.874.839.375
Cộng	66.583.115.974	62.355.070.919

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Phí bảo vệ môi trường được trích sử dụng	5.099.461.653	4.868.355.053
Thu tiền phạt chậm hợp đồng	65.012.484	1.000.000.000
Thu cho thuê mặt bằng	444.060.000	254.000.000
Tiền thi công được tài trợ	-	3.446.259.119
Thu nhập khác	1.882.222.042	1.539.156.291
Cộng	7.490.756.179	11.107.770.463

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	9.783.906	-
Phạt vi phạm hành chính	1.019.431.202	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	6.303.452
Chi phí sửa chữa trụ cứu hộ	58.143.975	-
Chi phí bảo vệ môi trường	2.369.130.000	2.395.830.000
Chi phí khác	756.279.565	1.251.147.042
Cộng	4.212.768.648	3.653.280.494

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

37

Nước sạch cho cuộc sống xanh!

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	366.021.760.068	391.587.102.835
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(36.602.176.007)	(38.821.207.907)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	329.419.584.061	352.765.894.928
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	120.000.000	113.996.253
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.745	3.095

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trong năm Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến việc giảm chi phí khấu hao, tăng tiền thuê đất và thuế thu nhập doanh nghiệp và cũng thực hiện rà soát lại toàn bộ bảng tính khấu hao tài sản cố định và điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến việc tăng chi phí khấu hao. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 3.065 VND lên 3.095 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.832.489.311	77.229.031.396
Chi phí nhân công	238.435.933.934	241.143.809.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	321.031.435.017	276.254.122.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.760.779.011	167.891.354.848
Chi phí khác	101.708.376.674	69.143.901.428
Cộng	903.769.013.947	831.662.219.777

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

38

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty mẹ trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Đặng Văn Chắt	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	1.261.944.500	1.220.287.500
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1.539.728.000	1.488.035.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	1.265.088.000	1.135.907.000
Ông Nguyễn Văn Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Trần Trung Chiến	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	48.000.000	96.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc (mới bổ nhiệm)	88.440.000	-
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	970.010.000	919.354.160
Cộng		5.461.210.500	5.147.583.660

Thu nhập của Ban Kiểm soát

Thù lao của Ban Kiểm soát và tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty mẹ trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Công Hiếu	Trưởng ban (đã miễn nhiệm)	389.303.500	946.086.500
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng ban (mới bổ nhiệm)	518.820.000	-
Bà Tăng Tô Văn	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Cộng		1.028.123.500	1.066.086.500

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng Tập đoàn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

39

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 – Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi		
Chi phí dịch vụ	189.170.785	568.639.593
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình		
Chi phí dịch vụ	7.677.168.130	12.133.368.554
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành		
Mua hàng hóa	-	13.090.909
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi		
Chi phí dịch vụ	5.000.000	781.875.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai		
Chi phí dịch vụ	-	3.431.127.322
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi		
Chi phí dịch vụ	14.900.000	-
Cổ tức được chia	199.978.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức		
Cổ tức được chia	95.010.000	95.010.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.13, V.14 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn là cung cấp nước (chiếm đến 95,02% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ). Toàn bộ doanh thu của Tập đoàn được tạo ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

40

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Điều chỉnh hồi tố**

Trong năm Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến việc giảm chi phí khấu hao, tăng tiền thuê đất và thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngoài ra Tập đoàn thực hiện rà soát lại toàn bộ bảng tính khấu hao tài sản cố định và thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến việc tăng chi phí khấu hao. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Tài sản dài hạn	200	3.060.507.240.814	686.179.661	3.061.193.420.475
Tài sản cố định hữu hình	221	2.546.827.695.937	686.179.661	2.547.513.875.598
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(2.441.969.840.548)	686.179.661	(2.441.283.660.887)
Tổng cộng tài sản	270	3.770.627.032.362	686.179.661	3.771.313.212.023
Nợ phải trả	300	1.726.644.726.658	67.052.151	1.726.711.778.809
Nợ ngắn hạn	310	599.761.962.263	67.052.151	599.829.014.414
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14.454.324.701	5.616.586.226	20.070.910.927
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18.588.437.098	(5.549.534.075)	13.038.903.023
Vốn chủ sở hữu	400	2.043.982.305.704	619.127.510	2.044.601.433.214
Vốn chủ sở hữu	410	2.043.982.305.704	619.127.510	2.044.601.433.214
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	530.802.302.248	619.127.510	531.421.429.758
Tổng cộng nguồn vốn	440	3.770.627.032.362	686.179.661	3.771.313.212.023

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Giá vốn hàng bán	11	702.922.823.143	(3.587.123.085)	699.335.700.058
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	452.868.556.965	3.587.123.085	456.455.680.050
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	420.019.639.679	3.587.123.085	423.606.762.764
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	427.474.129.648	3.587.123.085	431.061.252.733
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24.117.824.123	212.099.323	24.329.923.446
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	403.336.431.462	3.375.023.762	406.711.455.224
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	388.212.079.073	3.375.023.762	391.587.102.835


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Lợi nhuận trước thuế	01	427.474.129.648	3.587.123.085	431.061.252.733
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	279.841.245.690	(3.587.123.085)	276.254.122.605

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023


Trần Hoàng Anh Phương
Người lập


Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng


Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

41

Nước sạch cho cuộc sống xanh!

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

67

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	18.764.721.167	26.218.693.500	(64.235.766.100)	93.575.720.084	308.129.152.788	106.794.548.858	1.489.247.070.297
Tăng vốn trong năm trước	200.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	-	300.000.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(244.563.348)	-	-	-	-	-	(244.563.348)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	391.587.102.835	15.124.352.389	406.711.455.224
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	27.639.991.191	(48.294.825.865)	(2.912.677.485)	(23.567.512.159)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(120.000.000.000)	(7.545.016.800)	(127.545.016.800)
Số dư cuối năm trước	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	121.215.711.275	531.421.429.758	111.461.206.962	2.044.601.433.214
Số dư đầu năm nay	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	121.215.711.275	531.421.429.758	111.461.206.962	2.044.601.433.214
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	366.021.760.068	12.476.012.724	378.497.772.792
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	41.590.234.514	(68.793.043.554)	(1.416.640.171)	(28.619.449.211)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(180.000.000.000)	(7.545.013.560)	(187.545.013.560)
Nợ về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty	-	-	-	-	-	(7.888.059.864)	-	(7.888.059.864)
Số dư cuối năm nay	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	162.805.945.789	640.762.086.408	114.975.565.955	2.199.046.683.371


Trần Hoàng Anh Phương
Người lập


Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng


Đồng Nai, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Phạm Thị Hồng
Giám đốc



